

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

NGUYỄN HỮU PHƯỚC

**THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG GIAI ĐOẠN
XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN
HUYỆN HOÀI NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**Chuyên ngành : Luật hình sự và Tổ tụng hình sự
Mã số : 60.38.01.04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS. HỒ SỸ SƠN**

HÀ NỘI, năm 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn “*Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định*” là công trình do tôi thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS Hồ Sỹ Sơn. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực.

Tác giả luận văn

Nguyễn Hữu Phước

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ	7
1.1. Khái quát chung về thực hành quyền công tố và giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự	7
1.2. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự	15
1.3. Các yếu tố tác động (ảnh hưởng) đến thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.....	25
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH.....	29
2.1. Khái quát về tình hình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trên địa bàn huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	29
2.2. Thực tiễn thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trên địa bàn huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	29
CHƯƠNG 3. CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ ĐÚNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ	47
3.1. Dự báo các yếu tố tác động đến thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trên địa bàn huyện Hoài Nhơn	47
3.2. Những yêu cầu đối với thực hành quyền công tố đúng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự	50

3.3. Các giải pháp đảm bảo thực hành quyền công tố đúng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự	51
KẾT LUẬN	67
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS:	Bộ luật hình sự
BLTTHS:	Bộ luật tố tụng hình sự
HDXX:	Hội đồng xét xử
HTND:	Hội thẩm nhân dân
KSV:	Kiểm sát viên
KSXX:	Kiểm sát xét xử
TAND:	Tòa án nhân dân
THQCT:	Thực hành quyền công tố
VKS:	Viện kiểm sát
VKSNDTC:	Viện kiểm sát nhân dân tối cao

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
2.1.	Tỷ lệ số vụ/số bị cáo đã xét xử/số thụ lý; mức hình phạt Tòa tuyên	29
2.2.	Tỷ lệ số bị cáo bị VKSND huyện Hoài Nhơn kháng nghị phúc thẩm	35
2.3.	Tỷ lệ Tòa trả hồ sơ điều tra bổ sung/số VKS truy tố	38
2.4.	Tỷ lệ số vụ/số bị cáo bị cấp phúc thẩm hủy án	40
2.5.	Tỷ lệ số vụ/số bị cáo bị VKSND tỉnh Bình Định kháng nghị phúc thẩm	42

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nghị quyết 49-NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã xác định nhiệm vụ: *“Trước mắt, Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên chức năng như hiện nay là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp”* [4, tr. 2]. Để tiếp tục thực hiện chủ trương này, ngày 28 tháng 11 năm 2013, tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII đã thông qua Hiến pháp 2013. Theo đó, tại khoản 1 Điều 107 của Hiến pháp quy định: *“Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp”*. Đồng thời, tại khoản 1 Điều 2 của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 cũng quy định: *“Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*. Như vậy, thực hành quyền công tố là một trong hai chức năng cơ bản của VKSND. Những năm qua, công tác thực hành quyền công tố của VKSND từng bước được nâng lên. Kiểm sát viên đã chủ động, tích cực hơn trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự, hạn chế được tình trạng bỏ lọt tội phạm hay làm oan người vô tội, được Đảng, Nhà nước và nhân dân ghi nhận.

Bên cạnh những mặt tích cực đã đạt được, công tác thực hành quyền công tố vẫn có những hạn chế, bất cập trong lý luận và thực tiễn, chưa ngang tầm với nhu cầu và đòi hỏi của nhân dân, còn nhiều trường hợp bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội. Nguyên nhân, do một số KSV chưa nhận thức đúng về quyền công tố, chủ quan, thụ động trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Bên cạnh đó, pháp luật tố tụng hình sự hiện hành chưa quy định rõ về quyền công tố trong từng giai đoạn giải quyết vụ án, cơ chế pháp lý cho KSV thực hiện vai trò của mình trong việc chứng minh tội phạm và người phạm

tội. Đặc biệt, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, quyền công tố của VKS chưa thể hiện rõ ràng, có sự chồng chéo giữa chức năng buộc tội của VKS với chức năng xét xử của Tòa án, chưa tạo điều kiện cho VKS chủ động thực hiện quyền của mình để chứng minh tội phạm...

Trước thực trạng nêu trên, VKSNDTC đã tổ chức nhiều hội thảo để nghiên cứu về quyền công tố, thực hành quyền công tố của VKS trong các giai đoạn tố tụng hình sự nói chung và trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng nhằm tạo sự thống nhất về mặt nhận thức để áp dụng vào thực tiễn công tác của ngành Kiểm sát. Tuy nhiên, cũng còn nhiều ý kiến khác nhau về quyền công tố và phạm vi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nên việc vận dụng vào thực tiễn gặp rất nhiều khó khăn, đã hạn chế đến chất lượng công tác kiểm sát của Ngành.

Đối với huyện Hoài Nhơn, là đơn vị hành chính nằm ở phía Bắc của tỉnh Bình Định, toàn huyện có 15 xã và 2 thị trấn, có tổng diện tích tự nhiên 41.295ha, dân số 228.000 người, đa dạng các thành phần lao động nên tình hình vi phạm pháp luật và tội phạm ngày càng gia tăng, diễn biến rất phức tạp. Trong những năm qua, công tác thực hành quyền công tố trong giải quyết các vụ án hình sự nói chung và trong giai đoạn xét xử sơ thẩm nói riêng đã đạt những kết quả tích cực, hình ảnh người KSV tại phiên tòa được xã hội ghi nhận. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế cần phải được khắc phục kịp thời để nâng cao chất lượng hoạt động công tố. Là một cán bộ đang công tác tại VKSND huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, bản thân tác giả luôn muốn được tiếp tục nghiên cứu cả lý luận và thực tiễn hoạt động thực hành quyền công tố, đặc biệt là trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, từ đó đề ra các giải pháp, kiến nghị nhằm góp phần nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án hình sự. Với mục đích đó, tác giả lựa chọn đề tài *“Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn huyện Hoài Nhơn, tỉnh*

Bình Định” làm luận văn Thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Cho đến thời điểm này, đã có nhiều công trình nghiên cứu về công tác thực hành quyền công tố của VKSND trong các giai đoạn giải quyết án hình sự. Trong số đó, có thể kể đến những công trình nghiên cứu tiêu biểu sau đây:

Luận án Tiến sĩ luật học năm 2002 “*Quyền công tố ở Việt Nam*” của tác giả Lê Thị Tuyết Hoa. Đây là công trình nghiên cứu mang tính lý luận về quyền công tố từ lịch sử phát triển đến thực trạng quyền công tố ở Việt Nam qua các thời kỳ.

Trần Ngọc Đảm (2015), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động xét xử sơ thẩm hình sự từ thực tiễn tỉnh Long An*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội.

Lỗ Thị Loan (2015), *Thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm hình sự từ thực tiễn tỉnh Hòa Bình*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội.

Sách chuyên khảo “*Một số vấn đề về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp*” do Tiến sĩ Nguyễn Hải Phong làm chủ biên, NXB Tư pháp, 2013.

Sách chuyên khảo “*Tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm*” do Tiến sĩ Dương Thanh Biểu làm chủ biên, NXB Tư pháp, 2007.

Ngoài ra, còn có các bài viết trên sách báo, tạp chí nghiên cứu về quyền công tố và thực hành quyền công tố, các giáo trình đào tạo của Trường Đại học kiểm sát Hà Nội... Tuy nhiên, cho đến nay, vẫn còn có những ý kiến khác nhau về khái niệm, nội dung, phạm vi của quyền công tố và thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự, đặc biệt là trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu đề tài “*Thực hành quyền công tố*

trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định” góp phần làm sáng tỏ vấn đề, nâng cao chất lượng công tác kiểm sát.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, Luận văn đề xuất những giải pháp đảm bảo thực hành đúng quyền công tố trong giai đoạn này.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, Luận văn thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Phân tích những vấn đề lý luận về quyền công tố, thực hành quyền công tố nói chung và thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng.

- Phân tích, đánh giá thực trạng hệ thống quy phạm pháp luật hiện hành về thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

- Phân tích, đánh giá thực tiễn thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015.

- Dự báo tình hình tội phạm và đề xuất các giải pháp đảm bảo nhằm thực hành đúng quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận văn là các quan điểm khoa học, các quy định của pháp luật và thực tiễn thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu dưới góc độ Luật hình sự và Tổ tụng hình sự.

Không gian nghiên cứu: huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

Thời gian nghiên cứu: từ năm 2011 đến năm 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận: Luận văn nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tổ tụng hình sự; tư pháp, tư pháp hình sự, cải cách tư pháp hình sự.

5.2. Phương pháp nghiên cứu: Ngoài ra, tác giả còn vận dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể: thống kê và phân tích số liệu, tổng kết thực tiễn để làm rõ những nội dung của Luận văn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận: Kết quả nghiên cứu của Luận văn góp phần bổ sung, hoàn thiện những vấn đề lý luận về quyền công tố, thực hành quyền công tố nói chung và thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn: Luận văn còn là kết quả nghiên cứu, tổng kết thực tiễn thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định; giúp cho các KSV nhận thức rõ hơn nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng khâu công tác này.

Mặt khác, các kiến nghị, đề xuất của Luận văn có thể làm tài liệu nghiên cứu chuyên sâu, hướng dẫn công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự hoặc làm tài liệu để giảng dạy, tập huấn công tác kiểm sát.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục;

nội dung của luận văn được kết cấu gồm 03 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Chương 2: Thực trạng thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trên địa bàn huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

Chương 3: Các yêu cầu và giải pháp đảm bảo thực hành quyền công tố đúng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1. Khái quát chung về thực hành quyền công tố và giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

1.1.1. Khái niệm, phạm vi, nội dung thực hành quyền công tố

1.1.1.1. Khái niệm thực hành quyền công tố

Cụm từ “*Quyền công tố*” và “*Thực hành quyền công tố*” lần đầu tiên được ghi nhận tại Điều 138 Hiến pháp năm 1980 khi đề cập đến chức năng của VKSND, được nhắc lại ở Điều 1 và Điều 3 Luật tổ chức VKSND năm 1981. Kể từ đó, hai cụm từ này tiếp tục được ghi nhận tại Điều 137 Hiến pháp 1992 và các đạo luật liên quan như Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988, 2003, 2015; Luật tổ chức VKSND năm 1981, 1992, 2002, 2014; cùng với đó là các Nghị quyết của Đảng như Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị “*Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*” đã xác định rõ: “Trước mắt, Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên chức năng như hiện nay là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp (...), tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra” [4. tr. 2].

Quyền công tố cũng như thực hành quyền công tố ở Việt Nam là những vấn đề rất quan trọng xét cả góc độ lý luận lẫn thực tiễn, bởi nó không chỉ liên quan đến chức năng của VKS mà còn liên quan đến tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, luôn gắn chặt nhau, không thể tách rời. Vì vậy, để hiểu được khái niệm thực hành quyền công tố, cần phải tìm hiểu về quyền công tố. Hiện nay, ở nước ta đang tồn tại rất nhiều quan điểm khác nhau về quyền công tố. Nhưng khái quát lại thì có một số quan điểm sau:

Có quan điểm đồng nhất khái niệm quyền công tố với hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật của VKSND, rằng: “tất cả các hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật là thực hành quyền công tố; công tố không phải là một chức năng độc lập của VKS, mà chỉ là một quyền năng, một hình thức thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật” [24, tr.17-20].

Theo một quan điểm khác thì “quyền công tố là quyền của Nhà nước giao cho VKS truy tố kẻ phạm tội ra Tòa án, thực hiện sự buộc tội tại phiên tòa (thực hành quyền công tố)” [27, tr.30].

Có quan điểm cho rằng “quyền công tố là quyền đại diện cho Nhà nước để đưa các vụ việc vi phạm trật tự pháp luật ra cơ quan xét xử để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, bảo vệ trật tự pháp luật” [34, tr.74].

Và theo một quan điểm khác thì “quyền công tố là quyền Nhà nước giao cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc truy cứu TNHS và áp dụng các chế tài hình sự đối với người phạm tội. Nói cách khác, quyền công tố do các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các VAHS và thi hành án hình sự. Đó là hoạt động tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người khác được pháp luật quy định có trách nhiệm xác định hành vi, người phạm tội cũng như các căn cứ để kết tội, áp dụng các hình phạt đối với người phạm tội”.

Phân tích các quan điểm trên đây, mặt dù đều có điểm hợp lý nhưng vẫn còn những nội dung không chuẩn xác thể hiện ở chỗ hoặc đồng nhất hai chức năng của Viện kiểm sát là công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự hoặc quá mở rộng nội dung và phạm vi của quyền công tố, hoặc có sự nhầm lẫn giữa hoạt động buộc tội và hoạt động bào chữa trong tố tụng hình sự.

Xuất phát từ lịch sử Nhà nước và pháp luật, có thể thấy rằng cốt lõi của TTHS là hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng nhằm phát hiện tội

phạm và xử lý người phạm tội. Trong hoạt động TTHS, chúng ta thấy luôn luôn tồn tại ba chức năng cơ bản đó là chức năng buộc tội, chức năng bào chữa (gỡ tội) và chức năng xét xử. Buộc tội là một chức năng tố tụng luôn nhằm chống lại một cá nhân cụ thể và thực chất đó chính là hoạt động truy cứu TNHS đối với người phạm tội. Người buộc tội (cơ quan thực hiện chức năng buộc tội) có quyền đưa ra lời cáo buộc đối với những cá nhân cụ thể và có nhiệm vụ phải đưa ra những bằng chứng để chứng minh cho sự cáo buộc đó. Vì vậy, có thể đưa ra khái niệm quyền công tố như sau: “quyền công tố là quyền thuộc về Nhà nước, được Nhà nước giao cho một cơ quan thực hiện (ở nước ta là VKS) nhằm phát hiện tội phạm, truy cứu TNHS đối với người phạm tội và bảo vệ sự buộc tội đó tại phiên tòa”. Để quyền công tố đi vào cuộc sống, phải có hoạt động được tiến hành bởi chủ thể có quyền năng nhất định. Chủ thể đó, như đã nhấn mạnh, là Viện kiểm sát nhân dân. Hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân được gọi là hoạt động “thực hành quyền công tố”.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Luật tổ chức VKSND năm 2014: “Thực hành quyền công tố là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, được thực hiện ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự”.

Mục đích của thực hành quyền công tố là đảm bảo mọi hành vi phạm tội, người phạm tội phải được phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội hay bỏ lọt tội phạm và người phạm tội; không để người nào bị khởi tố, bắt tạm giữ, tạm giam, hạn chế quyền con người, quyền công dân trái quy định của pháp luật.

1.1.1.2. Phạm vi thực hành quyền công tố

Mục đích của tố tụng hình sự đòi hỏi mọi tội phạm xảy ra đều phải

được phát hiện và xử lý theo pháp luật. Do đó, về mặt nguyên tắc, có tội phạm xảy ra là thì quyền công tố phải được phát động để chứng minh tội phạm, truy tố kẻ phạm tội ra tòa xét xử. Mà thực hành quyền công tố là một trong những biện pháp pháp lý để thực hiện quyền công tố. Vì vậy, các hoạt động nhằm thu thập tài liệu, tin tức về tội phạm xảy ra như: tiếp nhận, xác minh tin báo, tố giác về tội phạm; tiến hành một số hoạt động điều tra trước khi khởi tố vụ án như khám nghiệm hiện trường, lấy lời khai người làm chứng, lấy lời khai người bị tạm giữ; khởi tố vụ án, bị can; ban hành Cáo trạng, các hoạt động buộc tội tại phiên tòa... là một trong những nội dung thực hành quyền công tố. Tuy nhiên, không phải mọi vụ án đều được đưa ra xét xử trước Tòa án nên phạm vi thực hành quyền công tố có thể bị triệt tiêu ở giai đoạn tố tụng sớm hơn như khi có quyết định đình chỉ điều tra vụ án, bị can. Điều đó có nghĩa là, khi quyền công tố bị triệt tiêu thì không còn việc thực hành quyền công tố.

Như vậy, phạm vi thực hành quyền công tố bắt đầu từ khi giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kết thúc khi bản án có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị, hoặc vụ án được đình chỉ theo quy định của pháp luật TTHS.

Phạm vi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự bắt đầu từ khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án và kết thúc khi Bản án không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

1.1.1.3. Nội dung thực hành quyền công tố

Theo quy định tại Điều 3 Luật tổ chức VKSND năm 2014, nội dung thực hành quyền công tố là toàn bộ những hoạt động của VKSND trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội. Có nghĩa là, để đưa một người phạm tội ra trước Tòa án xét xử, VKS sẽ sử dụng tất cả các quyền năng tố tụng được pháp luật cho phép; gồm những

quyền năng sau đây:

Thứ nhất, ở giai đoạn tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Theo quy định tại Điều 12 Luật tổ chức VKSND năm 2014, có các nội dung thực hành quyền công tố như: Phê chuẩn, không phê chuẩn việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ và các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; hủy bỏ quyết định tạm giữ, các quyết định tố tụng khác trái pháp luật của cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; khi cần thiết đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thực hiện; trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố trong trường hợp phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm mà Viện kiểm sát nhân dân đã yêu cầu nhưng không được khắc phục...

Thứ hai, ở giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án hình sự, nội dung thực hành quyền công tố được quy định tại Điều 14 Luật Tổ chức VKSND năm 2014: yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; hủy bỏ các quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án, quyết định không khởi tố vụ án trái pháp luật; phê chuẩn, hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can trái pháp luật; khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong những trường hợp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định; quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam, các biện pháp ngăn chặn và các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của luật...

Thứ ba, ở giai đoạn truy tố, nội dung thực hành quyền công tố được

quy định tại Điều 16 Luật tổ chức VKSND năm 2014: quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam, các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của luật; yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu liên quan đến vụ án trong trường hợp cần thiết; trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ để quyết định việc truy tố hoặc khi Tòa án yêu cầu điều tra bổ sung mà xét thấy không cần phải trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra; quyết định gia hạn, không gia hạn thời hạn truy tố, thời hạn áp dụng các biện pháp ngăn chặn; quyết định truy tố, không truy tố bị can...

Thứ tư, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, nội dung thực hành quyền công tố được quy định tại Điều 18 Luật tổ chức VKSND năm 2014: công bố cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa; xét hỏi, luận tội, tranh luận, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa; kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án trong trường hợp phát hiện oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội...

1.1.2. Giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một giai đoạn tố tụng hình sự tiếp theo giai đoạn truy tố, đây là giai đoạn bao gồm hai phần cơ bản: chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa.

Giai đoạn này tuân thủ nhiều nguyên tắc trong đó có nguyên tắc độc lập xét xử. Việc xem xét đánh giá các chứng cứ trong giai đoạn này phải hết sức khách quan trên cơ sở xem xét toàn diện, không được lệ thuộc vào kết quả của các cơ quan tiến hành tố tụng trước đó.

Nhiệm vụ của giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là Tòa án phải kiểm tra lại tất cả các tài liệu, chứng cứ mà CQĐT, VKS đã thu thập được

xem có hợp pháp, đầy đủ, có căn cứ để kết tội bị cáo hay không. Từ đó, ra một bản án khẳng định bị cáo có hay không có tội, nếu có thì tội gì, điều khoản và mức hình phạt áp dụng tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự bắt đầu từ khi VKS chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án có thẩm quyền xét xử theo luật định. Chuẩn bị xét xử được coi là một bước của giai đoạn xét xử sơ thẩm, là khoảng thời gian từ khi Tòa án nhận hồ sơ do VKS chuyển qua đến khi mở phiên tòa. Ở giai đoạn này, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa nghiên cứu hồ sơ vụ án, xem xét có đủ căn cứ để đưa vụ án ra xét xử hay không và Thẩm phán có quyền quyết định áp dụng hay thay thế các biện pháp ngăn chặn, đưa vụ án ra xét xử, trả hồ sơ để điều tra bổ sung, đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án...

Còn phiên tòa sơ thẩm là biểu hiện đặc trưng của giai đoạn xét xử sơ thẩm, là hình thức tổ chức công khai với sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau, vụ án chính thức được giải quyết. Khi đó, kết quả của phiên tòa khẳng định bị cáo có hay không có tội, nếu có thì tội gì, hình phạt được áp dụng, trách nhiệm dân sự và giải quyết vật chứng trong vụ án.

Như vậy, giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một giai đoạn tổ tụng độc lập; trong đó, bao gồm chuẩn bị xét xử và phiên tòa sơ thẩm. Chuẩn bị xét xử là tiền đề cần thiết, quan trọng cho việc mở phiên tòa và tiến hành phiên tòa; còn phiên tòa sơ thẩm là hình thức đặc trưng của giai đoạn này, là nơi thể hiện đậm nét nhất nội dung của các nguyên tắc tổ tụng hình sự, thể hiện mối quan hệ tác động qua lại giữa các chức năng cơ bản của tổ tụng hình sự: chức năng buộc tội, chức năng bào chữa, chức năng xét xử; trong đó, chức năng xét xử có vai trò quyết định.

1.1.3. Mối quan hệ giữa thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Kiểm sát hoạt động tư pháp là chức năng Hiến định của Viện kiểm sát

nhân dân. Kiểm sát các hoạt động tư pháp là một dạng giám sát Nhà nước về tư pháp, đây là hoạt động mang tính quyền lực Nhà nước. Tuy nhiên, khác với hoạt động giám sát Nhà nước nói chung, kiểm sát hoạt động tư pháp là sự giám sát trực tiếp các hoạt động cụ thể của các cơ quan tư pháp và cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động trong tổ tụng như: Kiểm lâm, Hải quan, Cảnh sát biển...

Mục đích của kiểm sát hoạt động tư pháp là nhằm đảm bảo cho pháp luật được áp dụng nghiêm chỉnh và thống nhất trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Phạm vi kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự bắt đầu từ khi Viện kiểm sát quyết định việc truy tố người phạm tội ra Tòa án để xét xử và kết thúc khi bản án có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị.

Nội dung của kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thể hiện trên các khía cạnh theo quy định tại Điều 19 Luật tổ chức VKSND năm 2014 là: kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử các vụ án hình sự của Tòa án; kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án; kiểm sát hoạt động tố tụng hình sự của người tham gia tố tụng; yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật; yêu cầu Tòa án cùng cấp, cấp dưới chuyển hồ sơ vụ án hình sự để xem xét, quyết định việc kháng nghị; kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng; thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị và nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát xét xử vụ án hình sự theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Hiện nay, trong lý luận cũng như thực tiễn vẫn còn nhầm lẫn giữa chức năng thực hành quyền công tố và chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát, trong đó có cả lĩnh vực xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Tuy nhiên, qua những phân tích, luận giải nêu trên có thể hiểu một cách khái quát

là: những quyền năng pháp lý mà Viện kiểm sát tự quyết định có liên quan đến việc buộc tội bị can, bị cáo thì đó là những quyền năng thuộc nội dung thực hành quyền công tố. Những quyền năng pháp lý mà Viện kiểm sát sử dụng để phát hiện và yêu cầu xử lý những vi phạm pháp luật của cơ quan, người tiến hành tố tụng là những quyền thuộc chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp. Tuy nhiên, giữa thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp luôn đan xen lẫn nhau, quan hệ chặt chẽ, biện chứng với nhau, có tác dụng hỗ trợ cho nhau trong suốt quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, đảm bảo việc xét xử đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

1.2. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Như đã phân tích trên đây, phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự là biểu hiện đặc trưng của giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Theo quy định tại Điều 18 Luật tổ chức VKSND năm 2014 và Điều 266 BLTTHS năm 2015, khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, KSV phải thực hiện những nội dung sau:

1.2.1. Công bố cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa

Cáo trạng là văn bản pháp lý do VKSND lập để truy tố người phạm tội ra trước Tòa án. Đây là hoạt động đầu tiên của việc thực hành quyền công tố tại phiên tòa nhằm công khai hành vi phạm tội của bị cáo và cũng là cơ sở để Tòa án tiến hành hoạt động xét hỏi. Thông thường, KSV công bố Cáo trạng đã được chuyển cùng hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, trong những trường hợp đặc biệt, khi có sự thay đổi nhận thức, đánh giá chứng cứ hoặc trên cơ sở những phát sinh mới trong quá trình chuẩn bị xét xử, nếu cần thiết thì KSV trình bày ý kiến bổ sung nhưng ý kiến bổ sung không được làm xấu đi tình trạng của bị cáo.

Tại phiên toà, nếu có căn cứ rút một phần hay toàn bộ quyết định truy tố; có tình tiết mới theo hướng có lợi cho bị cáo làm thay đổi quyết định truy tố hoặc đường lối xử lý đã được lãnh đạo cho ý kiến thì Kiểm sát viên quyết định và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Sau phiên toà, Kiểm sát viên phải báo cáo ngay với lãnh đạo đơn vị. Trường hợp tình tiết mới đưa ra tại phiên toà có đủ căn cứ để kết luận về một tội danh khác nặng hơn thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên toà và báo cáo lãnh đạo Viện quyết định.

Đối với vụ án được áp dụng theo thủ tục rút gọn, KSV công bố quyết định truy tố theo quy định tại Điều 463 BLTTHS năm 2015.

1.2.2. Xét hỏi, xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ

1.2.2.1. Xét hỏi

Xét hỏi thực chất là quá trình tiếp tục điều tra công khai tại phiên toà với sự có mặt của tất cả các chủ thể liên quan đến vụ án, là tiền đề để các chủ thể tiến hành tố tụng thực hiện nhiệm vụ của mình. Về phía HĐXX, xét hỏi giúp xác định chính xác các tình tiết khách quan làm cơ sở tuyên án hoặc ra quyết định. Về phía VKS, KSV sử dụng kết quả của xét hỏi để thực hiện luận tội, rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn. Người bào chữa có thể đặt câu hỏi mang tính chất gỡ tội, làm rõ tình tiết giảm nhẹ TNHS cho bị cáo...

Việc tham gia xét hỏi là bắt buộc đối với KSV. Trước khi tham gia phiên toà, KSV phải dự thảo đề cương xét hỏi và những nội dung cần làm sáng tỏ; dự kiến các tình huống khác có thể phát sinh tại phiên toà, chú ý các mâu thuẫn và cách xét hỏi để giải quyết nhằm bác bỏ những lời chối tội không có cơ sở; chuẩn bị các câu hỏi để làm sáng tỏ vấn đề mà người bào chữa quan tâm.

Tại phiên toà, KSV theo dõi, ghi chép đầy đủ nội dung xét hỏi của

HĐXX, người bào chữa và ý kiến trả lời của người được xét hỏi để chủ động tham gia xét hỏi làm sáng tỏ hành vi phạm tội của bị cáo, xác định sự thật khách quan vụ án. Khi có người tham gia tố tụng xuất trình tài liệu mới tại phiên tòa, KSV cần kiểm tra và xét hỏi về nguồn gốc, nội dung tài liệu đó để có kết luận về tính hợp pháp, tính có căn cứ. Trường hợp chưa đủ điều kiện kết luận mà tài liệu mới có thể làm thay đổi nội dung, bản chất vụ án thì KSV đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa để xác minh. Khi xét hỏi, KSV phải đặt câu hỏi khách quan, rõ ràng, dễ hiểu, tránh giải thích, kết luận ngay. Ngoài xét hỏi bị cáo, KSV có quyền hỏi bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ; người làm chứng; người giám định, người định giá tài sản (Điều 309, 310, 311, 316 BLTTHS năm 2015).

Theo quy định tại Điều 307 BLTTHS năm 2015 thì: “khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước sau đó quyết định để Thẩm phán, Hội thẩm, KSV, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi”. Về trình tự xét hỏi của KSV, còn có nhiều quan điểm khác nhau:

Quan điểm thứ nhất cho rằng, việc quy định trình tự xét hỏi theo BLTTHS là hợp lý. Bởi vì, tại phiên tòa HĐXX thực hiện chức năng xét xử, còn KSV thực hành quyền công tố. HĐXX là người ra phán quyết cuối cùng về vụ án, có trách nhiệm điều khiển phiên tòa, chủ động xét hỏi nhằm kiểm tra đánh giá các tài liệu, chứng cứ để xác định tội phạm và người phạm tội. KSV là người theo dõi vụ án ngay từ giai đoạn điều tra, có thời gian nghiên cứu hồ sơ trước khi ra quyết định truy tố nên việc xét hỏi của KSV chủ yếu là để bảo vệ cho cáo trạng của mình [18. tr. 47].

Quan điểm thứ hai cho rằng, để đảm bảo tính dân chủ, khách quan, đáp ứng tinh thần Nghị quyết 08 – NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị về việc đổi mới xét xử theo hướng tranh tụng thì KSV phải là người xét hỏi

chính, đến người bào chữa và cuối cùng là HĐXX. Theo quan điểm này thì trình tự xét hỏi của BLTTHS năm 2015 chưa thể hiện đúng tinh thần cải cách tư pháp là đề cao vai trò của KSV thực hiện quyền công tố thay mặt Nhà nước buộc tội bị cáo; việc quy định KSV xét hỏi sau HĐXX đã hạn chế sự tham gia tích cực của KSV và người bào chữa, khiến cho tranh luận tại phiên tòa không sôi nổi, chỉ mang tính hình thức. Với trách nhiệm là cơ quan xét xử, HĐXX nên hướng dẫn việc xét hỏi và trên cơ sở kết quả xét hỏi của các chủ thể để tổng hợp, đánh giá lại toàn bộ chứng cứ. HĐXX chỉ hỏi thêm những vấn đề chưa được các bên làm sáng tỏ nhằm xác định đầy đủ các tình tiết liên quan của vụ án [18. tr. 56].

Chúng tôi hoàn toàn thống nhất với quan điểm thứ hai: KSV khi tham gia tố tụng tại phiên tòa là nhằm thực hiện chức năng buộc tội, Tòa án thực hiện chức năng xét xử; bị cáo và người bào chữa thực hiện chức năng bào chữa. Pháp luật hiện hành đã có sự phân định tương đối trong việc thực hiện các chức năng tố tụng cơ bản. Do đó, mỗi chủ thể khi tham gia vào hoạt động tố tụng tại phiên tòa có quyền tham gia xét hỏi để chứng minh cho mục đích tố tụng của mình, góp phần giải quyết vụ án. Pháp luật quy định cho phép HĐXX, chủ tọa phiên tòa được quyền hỏi trước, điều này đã làm hạn chế vai trò của KSV trong việc xét hỏi. Cần phải đề cao hơn nữa vai trò KSV tại phiên tòa, là người buộc tội phải thể hiện được nghĩa vụ chứng minh chủ yếu mà trước hết là qua hoạt động xét hỏi. Mặt khác, HĐXX xét hỏi sẽ “làm thay” cho chức năng buộc tội bị cáo của VKS, làm mất tính công bằng trong việc thực hiện chức năng buộc tội và gỡ tội.

1.2.2.2. Xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ

Theo quy định tại Điều 312 BLTTHS năm 2015 thì vật chứng, ảnh hoặc biên bản xác nhận vật chứng được đưa ra để xem xét tại phiên tòa. Khi cần thiết, Hội đồng xét xử có thể cùng với Kiểm sát viên, người bào chữa,

người khác tham gia phiên tòa đến xem xét tại chỗ những vật chứng không thể đưa đến phiên tòa được. Kiểm sát viên, người bào chữa, người khác tham gia phiên tòa có quyền trình bày nhận xét của mình về vật chứng. Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự có thể hỏi thêm người tham gia phiên tòa về những vấn đề có liên quan đến vật chứng.

Đối với việc xem xét tại chỗ, khi xét thấy cần thiết thì Hội đồng xét xử có thể cùng với Kiểm sát viên, người bào chữa, người khác tham gia phiên tòa đến xem xét nơi đã xảy ra tội phạm hoặc địa điểm khác có liên quan đến vụ án. Kiểm sát viên, người bào chữa, người khác tham gia phiên tòa có quyền trình bày nhận xét của mình về nơi đã xảy ra tội phạm hoặc địa điểm khác có liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử có thể hỏi thêm người tham gia phiên tòa về những vấn đề có liên quan đến nơi đó (Điều 314 BLTTHS năm 2015).

1.2.3. Thực hiện việc luận tội đối với bị cáo

Hiện nay, chưa có khái niệm chính thức định nghĩa thế nào là luận tội. Theo từ điển giải thích thuật ngữ luật học do Trường Đại học Luật Hà Nội biên soạn thì: “Luận tội là phân tích tội trạng, đề nghị kết tội bị cáo”.

Luận tội có ý nghĩa hết sức quan trọng, mở đầu cho giai đoạn tranh luận. Luận tội là sự buộc tội trực tiếp, chính thức và cuối cùng của VKS đối với bị cáo; là căn cứ để bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tiến hành bào chữa. Làm tốt việc luận tội cũng chính là làm tốt chức năng THQCT tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự, nâng cao vị trí, vai trò của KSV.

Theo quy định tại Điều 321 BLTTHS năm 2015 thì: luận tội của Kiểm sát viên phải căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu, đồ vật đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Nội

dung luận tội phải phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp; nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án. Đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung bản cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn; đề nghị mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng. Kiến nghị các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

Luận tội không là văn bản pháp lý nhưng đòi hỏi phải chặt chẽ về trình tự, quy cách, bố cục; nó là kết quả của quá trình điều tra công khai tại phiên tòa, thể hiện năng lực, trình độ và kinh nghiệm nghề nghiệp của KSV.

1.2.4. Tranh luận tại phiên tòa

Theo Từ điển Tiếng Việt năm 2001 của Viện ngôn ngữ học thì tranh luận có nghĩa là “bàn cãi để tìm ra lẽ phải”. Như vậy, có thể hiểu tranh luận của KSV tại phiên tòa là sự bàn cãi giữa KSV với bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác nhằm làm rõ sự thật khách quan về mọi tình tiết của vụ án, giúp cho HĐXX ra một bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Theo quy định tại Điều 322 BLTTHS năm 2015 thì: bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận của mình để đối đáp với Kiểm sát viên về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự, mức hình phạt; trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp; nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án. Bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác có quyền đưa ra đề nghị của mình. Kiểm sát viên phải đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận để đối đáp đến cùng từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, phải tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người tham gia tố tụng khác tranh luận, trình bày hết ý kiến nhưng có quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án và ý kiến lặp lại. Chủ tọa phiên tòa yêu cầu Kiểm sát viên đáp lại ý kiến của người bào chữa, người tham gia tố tụng khác mà những ý kiến đó chưa được Kiểm sát viên tranh luận.

Đối đáp, tranh luận của KSV tại phiên tòa hình sự thể hiện tính công khai, dân chủ. Việc đối đáp, tranh luận của KSV sẽ làm cho phiên tòa khách quan hơn, xóa bỏ những suy nghĩ tồn tại lâu nay trong xã hội là xét xử theo kiểu “án bỏ túi”; KSV khi tranh luận, đối đáp mang hình thức “chiếu lệ”.

Tăng cường và nâng cao chất lượng tranh luận, đối đáp tại phiên tòa để đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 và Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị. Việc đối đáp, tranh luận của KSV phải đảm bảo tôn trọng sự thật khách quan của vụ án; tôn trọng quyền bào chữa của bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng khác; đảm bảo dân chủ, bình đẳng và có văn hóa ứng xử, thuyết phục, hợp lý.

1.2.5. Kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án

Kháng nghị là việc người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật ra văn bản yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xét lại bản án, quyết định của Tòa án theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm. Mục đích của kháng nghị là

nhằm khắc phục vi phạm trong bản án, quyết định của Tòa án, đảm bảo cho việc giải quyết vụ án đúng đắn, toàn diện, khách quan, góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm là việc VKS cùng cấp hoặc VKS cấp trên trực tiếp kháng nghị đối với bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật. Căn cứ để kháng nghị phúc thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 33 Quy chế thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự như: việc điều tra, xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm phiên diện hoặc không đầy đủ; kết luận của bản án hoặc quyết định hình sự sơ thẩm không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án; có vi phạm trong việc áp dụng Bộ luật hình sự; thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng luật định hoặc có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng.

Như vậy, hoạt động kháng nghị thể hiện sự không đồng tình của VKS với phán quyết của Tòa án. VKS là chủ thể duy nhất có chức năng buộc tội nên hoạt động kháng nghị của VKS nhằm bảo vệ việc buộc tội của mình. Hoạt động kháng nghị sau phiên tòa sơ thẩm của VKS có mối quan hệ mật thiết với hoạt động thực hiện chức năng buộc tội.

Hiện nay, có quan điểm cho rằng hoạt động kháng nghị của VKS sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm là thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật. Bởi vì, giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được bắt đầu khi VKS chuyển hồ sơ cùng cáo trạng sang Tòa án và kết thúc khi tòa tuyên án. Trong quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm và kiểm sát các quyết định, bản án của Tòa án, nếu phát hiện vi phạm thì VKS có quyền kháng nghị.

Theo chúng tôi, hoạt động kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án không phải là hoạt động thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật mà là hoạt động thực hành quyền công tố, bởi vì các lý do sau:

Thứ nhất, tại phiên tòa sơ thẩm, VKS thực hiện chức năng thực hành quyền công tố thông qua hoạt động luận tội để buộc tội đối với bị cáo. Nếu tòa tuyên không đúng với cáo buộc thì VKS có quyền kháng nghị và kháng nghị của VKS là hoạt động tiếp theo của chức năng buộc tội.

Thứ hai, hậu quả kháng nghị của VKS là việc Tòa án cấp trên có thẩm quyền phải mở phiên tòa để xem xét lại nội dung kháng nghị; tại phiên tòa phúc thẩm vẫn có sự tham gia của KSV để bảo vệ quan điểm truy tố, buộc tội bị cáo.

Như vậy, kháng nghị các bản án, quyết định của Tòa án trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là hoạt động thực hiện chức năng thực hành quyền công tố của VKS. Hoạt động này có mối quan hệ mật thiết với thực hiện chức năng buộc tội, nó hỗ trợ cho mục đích của chức năng buộc tội.

1.2.6. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc buộc tội theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự

1.2.6.1. Giải quyết việc rút quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa

Theo quy định tại Điều 285 BLTTHS năm 2015 thì “khi xét thấy có một trong các căn cứ quy định tại Điều 157 của Bộ luật này hoặc có căn cứ quy định tại Điều 16 hoặc Điều 29 hoặc khoản 2 Điều 91 của Bộ luật hình sự thì Viện kiểm sát rút quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa và đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án”.

Như vậy, việc rút quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa sơ thẩm là một quyền năng, vừa là trách nhiệm của VKS. Đây còn là biện pháp để khắc phục sai lầm của VKS sau khi đã ban hành cáo trạng, tránh tình trạng tòa tuyên bị cáo không phạm tội.

Theo tinh thần của Điều 285 BLTTHS năm 2015 thì phạm vi rút quyết định truy tố là khoảng thời gian hồ sơ vụ án chuyển sang Tòa án đến trước khi Tòa án mở phiên tòa, giới hạn của việc rút quyết định truy tố là rút toàn bộ

quyết định truy tố chứ không rút một phần quyết định truy tố; bởi lẽ, việc rút quyết định truy tố trong trường hợp này thì Tòa án đình chỉ vụ án. Tuy nhiên, theo Thông tư liên ngành số 01 ngày 08 tháng 12 năm 1988 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao quy định: *“Trước khi mở phiên tòa, nếu Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tố thì Hội đồng xét xử ra quyết định đình chỉ vụ án, nếu rút một phần thì Hội đồng xét xử chỉ xét xử phần không bị rút truy tố”*.

Như vậy, có thể hiểu rằng: rút toàn bộ quyết định truy tố là rút tất cả các nội dung truy tố của cáo trạng, khi VKS rút thì Tòa đình chỉ vụ án. Rút một phần quyết định truy tố có nghĩa là một hoặc nhiều bị can, bị cáo được rút quyết định truy tố trong vụ án có đồng phạm hoặc một bị can, bị cáo bị truy tố về nhiều tội khác nhau nhưng VKS rút quyết định truy tố về một hoặc một số tội nào đó; trường hợp này, VKS đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án đối với phần quyết định truy tố đã được rút.

1.2.6.2. Giải quyết việc Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung

Trong trường hợp Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì VKS phải xem xét giải quyết. Nếu Tòa án trả hồ sơ không có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 280 BLTTHS năm 2015 thì VKS chuyển lại cho Tòa án để xét xử. Ngược lại, nếu Tòa án trả hồ sơ có căn cứ thì VKS phải tiến hành điều tra hoặc ra quyết định trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để điều tra bổ sung.

Trong trường hợp kết quả điều tra bổ sung không làm thay đổi nội dung quyết định truy tố trước đây hoặc không thể tiến hành theo yêu cầu của Tòa án thì VKS chuyển lại hồ sơ và giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử. Trường hợp kết quả điều tra bổ sung làm thay đổi nội dung quyết định truy tố thì VKS lập cáo trạng mới; nếu kết quả điều tra bổ sung dẫn đến đình chỉ vụ án thì VKS đình chỉ vụ án và thông báo cho Tòa án biết theo quy định tại khoản 3 Điều 280 BLTTHS năm 2015.

1.3. Các yếu tố tác động (ảnh hưởng) đến thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

1.3.1. Ý thức chính trị, đạo đức của Kiểm sát viên

Ý thức chính trị và đạo đức có ý nghĩa rất quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ của KSV nói chung và thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng. Trách nhiệm mà Đảng và Nhà nước giao cho KSV là nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật. Vì vậy, tính trung thực, liêm khiết, biết tự rèn luyện bản thân, tránh bị cám dỗ, mua chuộc về vật chất, có tinh thần đấu tranh không khoan nhượng với tội phạm, thấy đúng phải bảo vệ là phẩm chất cần có của KSV.

Ý thức chính trị của KSV càng cao thì các quy phạm pháp luật được áp dụng đúng đắn và ngược lại. Hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự có vai trò quan trọng, quyết định đến sinh mệnh chính trị con người; vì vậy, KSV không thể thiếu đạo đức, phải đặt mình trong hoàn cảnh người phạm tội, phải biết đau trước nỗi đau của người bị hại, bình tĩnh đấu tranh để làm rõ mọi âm mưu, thủ đoạn của tội phạm.

Hiện nay, có một bộ phận KSV còn thờ ơ, lãnh cảm trước nỗi đau của người khác; khi giải quyết vụ án chưa đặt mình trong hoàn cảnh của bị can, bị cáo để tìm ra nguyên nhân phát sinh hành vi phạm tội của họ, dẫn đến việc áp dụng pháp luật còn cứng nhắc, thiếu thuyết phục, không có tác dụng giáo dục người phạm tội trở thành công dân có ích. Vì vậy, việc tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng sẽ giúp cho KSV có cái tâm trong sáng, một bản lĩnh chính trị vững vàng khi thực hành quyền công tố nhằm đưa ra những quyết định công tâm, thấu tình, đạt lý, thuyết phục lòng người.

1.3.2. Kinh nghiệm thực tiễn của Kiểm sát viên

Kinh nghiệm thực tiễn cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến

chất lượng thực hành quyền công tố nói chung và trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng. Sự trải nghiệm, am hiểu các lĩnh vực của đời sống xã hội càng cao sẽ giúp cho KSV nhìn nhận thấu đáo sự việc, đưa ra những quyết định áp dụng pháp luật linh hoạt và hiệu quả. Tuổi đời của mỗi người không phải là điều kiện duy nhất làm thước đo đánh giá vốn sống thực tiễn nhưng là điều kiện bắt buộc khi bổ nhiệm KSV. Theo quy định tại Điều 77 Luật tổ chức VKSND năm 2014 thì để bổ nhiệm KSV sơ cấp, bên cạnh những yếu tố khác, người được đề nghị phải có thời gian làm công tác pháp luật từ 04 năm trở lên.

1.3.3. Ý thức pháp luật của Kiểm sát viên

Ý thức pháp luật là 1 hình thái ý thức xã hội, bao gồm tâm lý pháp luật và tư tưởng pháp luật. Tâm lý pháp luật hình thành một cách tự phát dưới dạng tình cảm, tâm trạng, cảm xúc đối với các hiện tượng pháp luật xảy ra trong đời sống xã hội. Tư tưởng pháp luật là tổng hợp các quan điểm, quan niệm có tính lý luận, phản ánh các hiện tượng pháp luật. Đối với KSV, ý thức pháp luật có vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện pháp luật và bảo vệ pháp luật. Ý thức pháp luật là nhân tố giúp KSV đánh giá các sự kiện, chứng cứ một cách khách quan, chính xác, không thiên vị, không bỏ qua bất kỳ tình tiết nào dù nhỏ nhất. Nếu ý thức pháp luật của KSV thấp thì sẽ dẫn đến việc hiểu sai nội dung của quy phạm pháp luật. Ngược lại, ý thức pháp luật càng cao thì KSV hiểu đúng bản chất sự việc, quyết định áp dụng pháp luật sẽ mang tính khoa học, khách quan và công minh.

1.3.4. Kỹ năng nghề nghiệp của Kiểm sát viên

Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, nâng cao vị trí, vai trò của VKS trong lòng nhân dân thì kỹ năng nghề nghiệp là điều không thể thiếu của KSV; đó là: khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, khả năng áp dụng các quy trình thực hành quyền công tố tại phiên tòa... Nó được hình thành và phát

triển qua quá trình đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện của mỗi người. Có kỹ năng nghề nghiệp sẽ giúp cho KSV tự tin, đỉnh đạc, quyết đoán hơn trong xử lý mọi tình huống.

1.3.5. Tác động từ dư luận xã hội

Sự tác động tích cực hay tiêu cực của dư luận xã hội đều ảnh hưởng lớn đến tâm tư, suy nghĩ, hành động mỗi người nói chung và KSV thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng. Nếu dư luận phản ánh đầy đủ, chính xác các thông tin thì sẽ giúp cho KSV giải quyết nhanh chóng, đúng đắn vụ án. Ngược lại, nếu dư luận phản ánh các tình tiết, sự việc một cách phiến diện, theo ý thức chủ quan, khen hoặc chê không đúng mức thì sẽ là áp lực lớn cho KSV khi thực thi nhiệm vụ của mình.

1.3.6. Tác động từ những tiêu cực xã hội

Hiện nay, những tiêu cực, tình trạng chạy án, chạy tội đang diễn ra trong hệ thống các cơ quan Nhà nước nói chung và cơ quan bảo vệ pháp luật nói riêng; làm cho một bộ phận cán bộ tha hóa, biến chất. Một khi KSV đã chấp nhận những tiêu cực này thì chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sẽ bị hạn chế; nó không chỉ ảnh hưởng nghiêm trọng đến các quyền và lợi ích hợp pháp của người dân lương thiện, làm suy giảm lòng tin của nhân dân vào cán cân công lý mà còn làm cho công lý không được thực thi, trật tự, công bằng xã hội bị đảo lộn, pháp luật bị chà đạp, lạm dụng vì mục đích cá nhân. Thực tế, chúng ta đã chứng kiến rất nhiều KSV bị sa ngã, bị cám dỗ, trở thành trung tâm của việc chạy án, chạy tội. Vì vậy, nhận thức đúng và phòng ngừa yếu tố này có ý nghĩa quan trọng, mang tính sống còn, là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu.

1.3.7. Tác động từ chính sách đãi ngộ cho Kiểm sát viên

Với tư cách là một thực thể trong xã hội, KSV cũng có nhu cầu về vật chất và tinh thần, phải chăm lo cho cá nhân và nuôi sống gia đình. Nếu KSV

có đời sống vật chất và tinh thần đầy đủ thì họ sẽ an tâm công tác, toàn tâm, toàn ý với công việc được giao. Ngược lại, KSV có cuộc sống khó khăn thì họ phải làm thêm những công việc khác và có thể bị ảnh hưởng bởi những tiêu cực của xã hội như chạy án, chạy tội.... Vì vậy, chính sách về lương, chế độ ưu đãi cho KSV cũng là vấn đề cần lưu tâm.

Tiểu kết Chương 1

Qua nội dung Chương 1, bằng phương pháp tổng hợp, nghiên cứu lịch sử; luận văn đã khái quát cơ sở lý luận như khái niệm, phạm vi, nội dung thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; mối quan hệ với chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Bên cạnh đó, luận văn còn nghiên cứu lịch sử thực hành quyền công tố, quy định của pháp luật hiện hành và các yếu tố ảnh hưởng đến thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Qua nghiên cứu, có thể khẳng định rằng: Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan duy nhất được Nhà nước giao thực hành quyền công tố nói chung và trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng. Giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một giai đoạn tố tụng hình sự tiếp theo giai đoạn truy tố, đây là giai đoạn bao gồm hai phần cơ bản là chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa. Chuẩn bị xét xử là tiền đề cần thiết, quan trọng cho việc xét xử tại phiên tòa và phiên tòa sơ thẩm là biểu hiện đặc trưng của giai đoạn xét xử sơ thẩm. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên phải thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 18 Luật tổ chức VKSND năm 2014 và Điều 266 BLTTHS năm 2015. Nắm bắt được những nội dung cơ bản trên sẽ giúp cho KSV nhận thức được các quy trình phải thực hiện khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, góp phần nâng cao kỹ năng và vai trò của KSV trong giai đoạn tố tụng này.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

2.1. Khái quát về tình hình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trên địa bàn huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

Tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Hoài Nhơn ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường, thủ đoạn thực hiện tinh vi; các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn huyện Hoài Nhơn đã có nhiều cố gắng trong điều tra, khám phá án. Vì vậy, hàng năm, số lượng án hình sự xét xử sơ thẩm luôn chiếm tỷ lệ cao. Cụ thể số liệu xét xử trong 05 năm (2011-2015) như sau:

***Bảng 2.1. Tỷ lệ số vụ/số bị cáo đã xét xử/số thụ lý; mức hình phạt
Tòa tuyên***

Năm	Số vụ/bị cáo đã xét xử	Số vụ/bị cáo thụ lý xét xử	Tỷ lệ %	Phạt tù		Cải tạo không giam giữ	Hình phạt khác
					Cho hưởng án treo		
2011	70/125	86/151	81,4%/82,8%	122	27	3	
2012	90/142	111/183	81%/77,6%	137	51	5	
2013	84/164	95/186	88,4%/88,2%	153	43	11	
2014	64/108	85/141	75,3%/76,6%	101	36	7	
2015	62/98	76/121	81,6%/81%	95	18	3	

(Nguồn Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn)

2.2. Thực tiễn thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trên địa bàn huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

Trước diễn biến về tình hình tội phạm, với biên chế 15 người, bên cạnh

phải thực hiện chức năng kiểm sát các hoạt động tư pháp nhưng VKSND huyện Hoài Nhơn đã có nhiều cố gắng, nỗ lực phấn đấu và đạt được những kết quả đáng khích lệ khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. VKSND huyện Hoài Nhơn đã phối hợp với Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn mở nhiều phiên tòa rút kinh nghiệm theo tinh thần cải cách tư pháp để nâng cao vai trò, trách nhiệm, kỹ năng nghiệp vụ của KSV, Thẩm phán. KSV đã chủ động tham gia xét hỏi và tích cực tranh luận với luật sư, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác để làm rõ sự thật của vụ án, đảm bảo việc thực hành quyền công tố đúng theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự còn không ít những sai sót như: chưa đủ căn cứ để truy tố bị can, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bỏ lọt tội phạm... dẫn đến Tòa án cấp sơ thẩm phải trả hồ sơ điều tra bổ sung hoặc Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tuyên hủy án để điều tra, xét xử lại vụ án. Cụ thể như sau:

2.2.1. Thực tiễn thực hành quyền công tố đúng và nguyên nhân

2.2.1.1. Thực tiễn công bố cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn tại phiên tòa sơ thẩm

Cáo trạng là văn bản pháp lý rất quan trọng của VKS trong giai đoạn truy tố. Vì vậy, việc xây dựng cáo trạng đúng, đảm bảo về nội dung và hình thức luôn được VKSND huyện Hoài Nhơn quan tâm thực hiện. Hàng năm, hưởng ứng phong trào thi đua của VKSND tỉnh Bình Định tổ chức, VKSND huyện Hoài Nhơn đã tham gia các cuộc thi trong đó có viết cáo trạng, thường xuyên tổ chức họp đơn vị để đánh giá chất lượng cáo trạng do KSV viết. Tại phiên tòa, KSV đã đọc cáo trạng to, rõ ràng, mạch lạc, chính xác, ngắt câu hoặc ngắt ý đúng lúc, đúng chỗ, tạo được sự uy nghiêm, trang trọng; giúp cho những người tham dự phiên tòa nghe dễ hiểu, nắm bắt được nội dung vụ án; từ đó, đã tạo được vị thế và hình ảnh của người KSV tại phiên tòa, giúp cho

KSV tự tin hơn trong tranh luận và đối đáp để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo.

2.2.1.2. Thực tiễn hoạt động xét hỏi

Trong thời gian qua, hoạt động xét hỏi của KSV tại phiên tòa có những chuyển biến tích cực, đội ngũ KSV đã nhận thức đầy đủ hơn nhiệm vụ của mình. Trước khi tham dự phiên tòa, KSV đã chuẩn bị kỹ đề cương xét hỏi, dự kiến những tình huống có thể xảy ra tại phiên tòa. Tại phiên tòa, KSV ghi chép cẩn thận các câu hỏi của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng khác để tránh sự chồng chéo trong xét hỏi. KSV đặt câu hỏi ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với nội dung vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo; âm lượng hỏi của KSV tại phiên tòa vừa đủ, ngữ điệu phù hợp với từng đối tượng. KSV có thái độ bình tĩnh, không “đao to, búa lớn” hay đe dọa bị cáo gây căng thẳng khi xét hỏi, không cứng nhắc phụ thuộc hoàn toàn vào đề cương xét hỏi mà đã linh hoạt, chủ động, nhanh nhạy đưa ra những câu hỏi phù hợp theo diễn biến của phiên tòa.

Thực tiễn xét xử cho thấy việc xét hỏi tại phiên tòa vẫn do chủ tọa phiên tòa thực hiện là chủ yếu nên chưa phát huy được vai trò tích cực, chủ động của KSV. Việc quy định về trình tự, phạm vi, các nội dung cần xét hỏi tại phiên tòa không hợp lý nên đã dẫn đến tình trạng thực hiện quyền và nghĩa vụ của các chủ thể chưa đúng, Tòa “làm thay” cho chức năng buộc tội của VKS. Lẽ ra, KSV phải là người bảo vệ cáo trạng tại phiên tòa nhưng trở thành người chứng kiến chủ tọa phiên tòa và HĐXX ra sức “làm thay”.

2.2.1.3. Thực tiễn hoạt động tranh luận

Tranh luận được bắt đầu sau khi KSV luận tội đối với bị cáo, đưa ra quan điểm giải quyết vụ án. Trong những năm qua, luận tội của KSV đã bám sát nội dung, yêu cầu của Quy chế thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự. Nhiều luận tội đã được KSV chuẩn bị kỹ lưỡng, căn cứ

vào những tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự; không còn những lời lẽ “đao to, búa lớn” hoặc có tính suy diễn, quy chụp; luận tội có tính thuyết phục cao, qua luận tội KSV đã thực hiện được nhiệm vụ tuyên truyền giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, đường lối chính sách của Đảng, đạo đức xã hội, góp phần phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

Cũng như kỹ năng đọc cáo trạng, khi trình bày luận tội, KSV đã đọc to, rõ ràng, sử dụng từ ngữ chuẩn xác, thể hiện sự tôn nghiêm qua tư thế, tác phong, lời nói của mình. Chất lượng tranh luận của KSV tại phiên tòa từng bước được nâng lên. Trước đây, khi tranh luận, KSV thường “giữ nguyên quan điểm truy tố nêu trong cáo trạng”; đến nay, KSV đã tích cực, chủ động đối đáp với những lập luận sắc bén để bác bỏ ý kiến và những đề nghị không đúng của bị cáo, người bào chữa...nhằm bảo vệ quan điểm truy tố của VKS.

Trong thực tiễn, có những KSV được dư luận xã hội đánh giá cao về kỹ năng tranh tụng, khả năng hùng biện, đưa ra những lập luận sắc bén để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, được Hội đồng xét xử chấp nhận dù cho bị cáo không nhận tội; nhanh nhạy trong xử lý các vấn đề mới phát sinh tại phiên tòa. Điều đó phản ánh chất lượng thực hành quyền công tố của KSV tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã được nâng lên, góp phần đáng kể vào việc nâng cao hiệu quả hoạt động công tác của VKSND huyện Hoài Nhơn trong những năm qua.

Điển hình như vụ án Nguyễn Thị Tri cùng đồng bọn, bị VKSND huyện Hoài Nhơn truy tố về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, quy định tại Điều 135 BLHS năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Với mục đích lấy lại tài sản mà anh Nguyễn Hữu Tổng đã mua cho Đặng Thị Ngọc Trang; khoảng 20h45 phút ngày 10/7/2013, tại Khối 5, thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định; Nguyễn Thị Tri là chủ mưu trong vụ án đã cùng Huỳnh Văn

Thinh, Nguyễn Thị Diễm, Nguyễn Văn Trung, Lý Văn Trấn và Trương Văn Mễ xông vào phòng, chiếm đoạt trái pháp luật tài sản của Đặng Thị Ngọc Trang trị giá 8.835.950 đồng. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Diễm không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cho rằng mình là người đi theo Huỳnh Văn Thinh (Thinh đã bỏ trốn) và không biết ý định đi lấy tài sản của đồng bọn, làm đơn kêu oan... Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, qua việc xét hỏi và luận tội đối với bị cáo Diễm, KSV đã đưa ra được những lập luận như: Thinh và Diễm đều có mối quan hệ quen biết với Nguyễn Thị Tri và Đặng Thị Ngọc Trang. Vào đêm trước khi xảy ra sự việc, Thinh và Diễm đã đến ngủ với nhau tại nhà trọ của Trang; từ lời khai của các bị cáo khác, nhìn lại toàn bộ sự việc khi bàn bạc tại nhà của Tri; đến ngã ba Tam Quan Nam gặp Trung, Trấn, Mễ; dừng lại thuê xe bagac tại Thị trấn Tam Quan; bàn bạc với nhau tại ngã ba gần phòng trọ của Trang cho đến khi chiếm đoạt được tài sản đem về nhà Tri thì Nguyễn Thị Diễm đều có mặt. Vì vậy, Diễm nại rằng không biết sự việc là chưa phản ánh đúng sự thật khách quan. Hơn nữa, sau khi chiếm đoạt được tài sản, Diễm và Thinh về phòng trọ của Trang và không biết sự việc và chờ Trang đi báo Công an nên đã chứng minh Diễm cố tình che giấu sự thật. Hành vi của Diễm có vai trò giúp sức tích cực cho đồng bọn thực hiện tội phạm. Từ những lập luận và chứng cứ của KSV đưa ra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn đã tuyên phạt Nguyễn Thị Diễm 06 tháng tù.

2.2.1.4. Thực tiễn hoạt động kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án

Kháng nghị phúc thẩm hình sự là nhiệm vụ và quyền năng pháp lý quan trọng mà Nhà nước giao cho VKSND. Chính vì vậy, ngày 19/6/2008, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đã ban hành Chỉ thị số 03/2008/CT-VKSTC-VPT1 về tăng cường công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự. Chỉ thị đã nêu rõ: “Viện kiểm sát các cấp thường xuyên quan tâm,

coi trọng công tác kháng nghị phúc thẩm, coi đây là một trong những công việc trọng tâm của công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Trong kế hoạch, chương trình công tác năm phải đề ra chỉ tiêu phát hiện những bản án, quyết định sơ thẩm có vi phạm về áp dụng pháp luật, về thủ tục tố tụng để kháng nghị phúc thẩm, hàng năm được đánh giá thi đua đối với đơn vị” [44, tr. 2].

Quán triệt Chỉ thị số 03/2008/CT-VKSTC-VPT1 ngày 19/6/2008; các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác theo các Nghị quyết số 37, 63, 96 và 111 của Quốc hội, Quyết định số 297/QĐ-VKSTC ngày 13/6/2012, Quyết định số 62/QĐ-VKSTC ngày 22/02/2013 của Viện trưởng-Viện kiểm sát nhân dân Tối cao; VKSND huyện Hoài Nhơn xác định công tác kháng nghị phúc thẩm án hình sự là một nhiệm vụ trọng tâm của công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp; từ đó, đơn vị đã đề ra các chỉ tiêu, giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện hàng năm. Để các kháng nghị phúc thẩm được Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định chấp nhận chiếm tỷ lệ cao; trước khi ban hành kháng nghị, lãnh đạo VKSND huyện Hoài Nhơn đều trao đổi trước với Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm án hình sự của VKSND tỉnh Bình Định. Bên cạnh đó, lãnh đạo VKSND huyện Hoài Nhơn luôn quan tâm đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, bồi dưỡng nghiệp vụ cho KSV nói chung và KSV thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng; tích cực chọn và tổ chức các phiên toà rút kinh nghiệm có sự tham dự của tất cả KSV trong đơn vị; qua đó, đã phát huy được trí tuệ tập thể trong giải quyết án, phát hiện được nhiều vi phạm trong hoạt động xét xử của Tòa án, kiên quyết ban hành kháng nghị. Vì vậy, trong những năm qua, công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự tại VKSND huyện Hoài Nhơn đã có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả đáng khích lệ như: số lượng kháng nghị tăng lên đáng kể; hình

thức, nội dung đúng quy định, viện dẫn đầy đủ căn cứ pháp luật, chất lượng kháng nghị được Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định chấp nhận đạt tỷ lệ cao, cụ thể như sau:

**Bảng 2.2. Tỷ lệ số bị cáo bị VKSND huyện Hoài Nhơn
kháng nghị phúc thẩm**

Năm	Số lượng KNPT (số vụ/bị cáo)	Số lượng án Tòa đã xét xử sơ thẩm (số vụ/bị cáo)	Số bị cáo bị KNPT/số bị cáo đã xét xử (tỷ lệ %)	Nội dung kháng nghị	Kết quả xét xử phúc thẩm
2011	04 vụ/ 06 bị cáo	70 vụ/125 bị cáo	4,8%	KN tăng hình phạt	Chấp nhận 100%
2012	02 vụ/ 04 bị cáo	90 vụ/142 bị cáo	2,8%	KN tăng hình phạt	Chấp nhận 100%
2013	02 vụ/ 02 bị cáo	84 vụ/164 bị cáo	1,2%	KN tăng hình phạt	Chấp nhận 100%
2014	01 vụ/ 01 bị cáo	64 vụ/108 bị cáo	0,9%	KN tăng hình phạt	Chấp nhận 100%
2015	02 vụ/ 04 bị cáo	62 vụ/98 bị cáo	4,1%	KN tăng hoặc giảm hình phạt	Chấp nhận 100%

(Nguồn Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn)

Diễn hình như vụ án Cướp tài sản do các bị cáo Nguyễn Ngọc Luận, Võ Nhật Giang, Nguyễn Văn Biển, Nguyễn Văn Thường, Bùi Quốc Việt, Châu Minh Dương, Đỗ Đình Triều, Bùi Quốc Anh thực hiện. Trong các ngày 16/6/2014 và ngày 27/6/2014 tại đoạn đường QL1A thuộc địa phận huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định; Nguyễn Ngọc Luận cùng đồng bọn đã 02 lần dùng vũ khí chặn xe ô tô của các tài xế chạy tuyến đường Bắc-Nam, đe dọa

và chiếm đoạt 02 điện thoại di động trị giá 3.800.000 đồng, tiền mặt 2.900.000 đồng, tổng trị giá 6.700.000 đồng. Cáo trạng của VKSND huyện Hoài Nhơn đã truy tố các bị cáo trên về tội Cướp tài sản, theo điểm d, khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2015/HSST ngày 17/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn đã áp dụng điểm d, khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999 và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ tuyên phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Luận 07 năm tù, Nguyễn Văn Biển 06 năm tù, Bùi Quốc Anh và Võ Nhật Giang mỗi bị cáo 05 năm tù; Châu Minh Dương, Nguyễn Văn Thường, Bùi Quốc Việt và Đỗ Đình Triều mỗi bị cáo 03 năm tù.

Sau khi kết thúc phiên tòa, KSV đã phát hiện bản án sơ thẩm có vi phạm như: bị cáo Đỗ Đình Triều tham gia một vụ cướp nhưng Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 (phạm tội nhiều lần) là không chính xác; đối với bị cáo Bùi Quốc Anh và Bùi Quốc Việt cùng tham gia cả hai vụ với vai trò giúp sức như nhau nhưng Tòa tuyên Bùi Quốc Anh 05 năm tù, Bùi Quốc Việt 03 năm tù là thiếu sự công bằng, chưa tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo Anh, gây dư luận không tốt. Vì vậy, KSV đã đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn ban hành kháng nghị phúc thẩm số 245/QĐ-KNPT ngày 29/6/2015 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm theo hướng giảm hình phạt tù đối với bị cáo Bùi Quốc Anh, không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 đối với bị cáo Đỗ Đình Triều.

Bản án phúc thẩm số 168/HSPT ngày 24/08/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã chấp nhận kháng nghị của VKSND huyện Hoài Nhơn, không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 đối với bị cáo Đỗ Đình Triều; tuyên phạt bị cáo Bùi Quốc Anh 03 năm tù (giảm 02 năm so với cấp sơ thẩm).

Nguyên nhân để đạt được những kết quả nêu trên, trước hết là do các KSV đã ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác kiểm sát nói chung và công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng; từ đó, không ngừng học hỏi, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua quá trình đào tạo và tự đào tạo của bản thân. Ngoài ra, lãnh đạo VKSND huyện Hoài Nhơn cũng như ngành cấp trên luôn quan tâm đến việc giáo dục chính trị, tư tưởng cho KSV, thực hiện nghiêm túc cuộc vận động xây dựng người KSV “vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm và bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm” bằng việc tổ chức những cuộc thi Kiểm sát viên giỏi, Chúng tôi là Kiểm sát viên, tổ chức những phiên tòa rút kinh nghiệm hay những lớp tập huấn nghiệp vụ, tập huấn chuyên sâu để KSV có được kiến thức pháp lý vững chắc trong thực thi công vụ; phân công KSV có kinh nghiệm và năng lực để thực hành quyền công tố. Bên cạnh đó, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, của chính quyền địa phương, sự ủng hộ và tin yêu của nhân dân đối với Ngành kiểm sát cũng là động lực to lớn giúp KSV thêm yêu ngành, yêu nghề, kiên quyết đấu tranh để bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, đảm bảo pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

2.2.2. Thực tiễn thực hành quyền công tố sai và nguyên nhân

2.2.2.1. Thực tiễn thực hành quyền công tố sai

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trên địa bàn huyện Hoài Nhơn còn có những thiếu sót, hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết án, cụ thể như sau:

Thứ nhất, có một số vụ án, KSV dự thảo Cáo trạng không phản ánh hết hành vi phạm tội của bị cáo; chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án nên không phát hiện được những vi phạm về tố tụng, bỏ lọt tội phạm hay thiếu chứng cứ để

chứng minh cho hành vi phạm tội của bị cáo; dẫn đến Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Cụ thể:

Bảng 2.3. Tỷ lệ Tòa trả hồ sơ điều tra bổ sung/số VKS truy tố

Năm	Số vụ/bị cáo Tòa trả hồ sơ ĐTBS	Số vụ/bị can VKS truy tố	Tỷ lệ % số vụ/bị cáo trả hồ sơ ĐTBS (số đã trả ĐTBS/số truy tố)	Ghi chú
2011	không	86 vụ/151 bị can		
2012	01 vụ/01 bị cáo	111 vụ/183 bị can	0,9%/0,5%	
2013	không	95 vụ/186 bị can		
2014	01 vụ/05 bị cáo	85 vụ/141 bị can	1,1%/3,5%	
2015	không	76 vụ/121 bị can		

(Nguồn Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn)

Thứ hai, kinh nghiệm tham gia phiên tòa của một số KSV còn ít nên khi công bố Cáo trạng chưa đọc rõ ràng, rành mạch; ngắt nhịp, ngắt câu không hợp lý nên chưa thuyết phục và thu hút người nghe.

Thứ ba, việc tham gia xét hỏi tại phiên tòa của một số KSV còn thiếu sự nhạy bén, qua loa, đại khái, không sát với nội dung vụ án. Thực tế hiện nay, nhiều phiên tòa KSV không chủ động xét hỏi, có suy nghĩ việc hỏi để chứng minh tội phạm và làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án là do chủ tọa phiên tòa thực hiện, quan điểm của VKS đã thể hiện rõ trong Cáo trạng. Vì vậy, KSV không có kế hoạch xét hỏi hoặc không tập trung theo dõi diễn biến tại phiên tòa nên hỏi lặp lại những câu hỏi của HĐXX. Mặt khác, do tâm lý chủ quan nên KSV chỉ tích cực, chủ động tham gia xét hỏi với những vụ án phức tạp, có nhiều quan điểm khác nhau về việc đánh giá chứng cứ. Hơn nữa, có KSV chưa giữ được thái độ bình tĩnh khi xét hỏi, đặt những câu hỏi mang tính móm cung, gợi ý...

Thứ tư, luận tội của một số KSV chưa được chú trọng. Một số trường hợp, KSV tham gia phiên tòa chưa nắm chắc các tình tiết vụ án, chứng cứ buộc tội, gỡ tội đối với từng bị cáo, nhất là những bị cáo trong quá trình điều tra không nhận tội, thay đổi lời khai. Vì vậy, KSV không phát hiện được những mâu thuẫn để từ đó có kế hoạch thẩm vấn bị cáo, kiểm tra tính đúng đắn của các chứng cứ; chưa chuẩn bị tài liệu, chứng cứ để tranh luận, đối đáp với bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

Bản luận tội của một số KSV trình bày tại phiên tòa không theo mẫu quy định, hầu như lặp lại toàn bộ nội dung cáo trạng, chưa phân tích, đánh giá các chứng cứ chứng minh tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; tâm lý không vững vàng, nghiệp vụ hạn chế nên chưa có khả năng dự báo về những vấn đề sẽ phải tranh luận để bảo vệ cáo trạng.

Chất lượng tranh tụng của KSV tại một số phiên tòa còn hạn chế. Đối với những vụ án có tình tiết phức tạp, nhiều luật sư tham gia bảo vệ quyền lợi cho các bị cáo thì KSV thường bỏ qua hoặc không trực diện đối đáp những vấn đề mà luật sư, bị cáo nêu ra. Một số KSV vẫn còn tình trạng thờ ơ, không tập trung chuẩn bị cho việc tranh luận, chỉ tập trung vào việc “luận tội”, coi luận tội xong là hoàn thành nhiệm vụ, chỉ thấy quyền nhưng chưa thấy nghĩa vụ của KSV là phải tranh luận. Nội dung tranh luận, đối đáp của KSV còn thiếu những lý lẽ sắc bén, khoa học; chưa sử dụng có hiệu quả tài liệu, chứng cứ để kết luận, chứng minh cho quan điểm của mình để làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

Từ thực trạng trên, đã có một số vụ án bị cấp phúc thẩm hủy án do KSV chưa chứng minh được hành vi phạm tội của bị cáo hay bỏ lọt tội phạm. Cụ thể:

Bảng 2.4. Tỷ lệ số vụ/số bị cáo bị cấp phúc thẩm hủy án

Năm	Số vụ/bị cáo bị hủy án	Số vụ/bị cáo đã xét xử	Tỷ lệ % số vụ/bị cáo bị hủy án (số bị hủy/số đã xét xử)	Ghi chú
2011	Không	70 vụ/125 bị cáo		
2012	01 vụ/01 bị cáo	90 vụ/142 bị cáo	1,1%/0,7%	
2013	03 vụ/03 bị cáo	84 vụ/164 bị cáo	3,6%/1,8%	
2014	Không	64 vụ/108 bị cáo		
2015	01 vụ/02 bị cáo	62 vụ/98 bị cáo	1,6%/2%	

(Nguồn Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn)

Diễn hình như vụ án Cố ý gây thương tích xảy ra lúc 21h ngày 27/9/2013, tại thôn Ngọc An Trung, xã Hoài Thanh Tây, huyện Hoài Nhơn; nhóm của Phan Hồng Ba gây mâu thuẫn với chị Huỳnh Thị Thanh Truyền, bà Lê Thị Kim Hoa (mẹ Truyền) và Huỳnh Hữu Trục (anh ruột Truyền); Truyền bị Sáng đánh té xuống hè nhà, Trục xông vào dùng tay đánh Sáng trúng vào mắt phải, Phan Hồng Ba dùng tay đánh Trục hai cái trúng vào mặt gây tổn hại sức khỏe 11%, Sáng đang đứng trước sân thì bị Truyền cầm dao chém một cái trúng vào cổ tay trái gây tổn hại sức khỏe 9%; lúc này, bà Hoa cầm đoạn tàu dừa đến đánh Sáng thì bị Sáng dùng tay phải đánh trúng mắt trái làm bà Hoa té ngã xuống đất, bị gãy cổ xương đùi phải, gây tổn hại sức khỏe 43%.

Cáo trạng số 516/QĐ-KSĐT ngày 01/10/2014 của VKSND huyện Hoài Nhơn truy tố bị cáo Trần Quang Sáng theo khoản 2 Điều 104 BLHS; Phan Hồng Ba theo khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 104, các điểm b, đ, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 BLHS xử bị cáo Trần Quang Sáng 09 đến 12 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 104, các điểm b, đ, h, p khoản 1 Điều

46, Điều 60 BLHS xử phạt bị cáo Phan Hồng Ba 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2014/HSST ngày 01/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn đã áp dụng khoản 2 Điều 104, các điểm b, đ, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 BLHS xử bị cáo Trần Quang Sáng 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; áp dụng khoản 1 Điều 104, các điểm b, đ, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 BLHS xử phạt bị cáo Phan Hồng Ba 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Bản án số 89/2015/HSPT ngày 23/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tuyên hủy án sơ thẩm, lý do: lời khai giữa bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác có những điểm mâu thuẫn nhưng chưa được điều tra đầy đủ để xác định hành vi cụ thể của từng người trong quá trình đánh nhau giữa nhóm của Trần Quang Sáng với một số người của gia đình bà Lê Thị Kim Hoa. Đồng thời, cấp sơ thẩm chưa xem xét trách nhiệm hình sự của Huỳnh Thị Thanh Truyền dùng dao chém Trần Quang Sáng gây tổn hại sức khỏe 9%.

Trong vụ án này, quá trình kiểm sát điều tra cũng như thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm, KSV đã buộc tội các bị cáo trong khi lời khai giữa bị cáo Trần Quang Sáng, Phan Hồng Ba và bị hại Lê Thị Kim Hoa có những điểm mâu thuẫn cần phải xác định rõ ai là người gây thương tích cho bà Hoa. Bị cáo Sáng thừa nhận khi bị bà Hoa dùng đầu tàu dừa đánh thì Sáng dùng tay đỡ, tay phải đánh vào mặt làm bà Hoa té ngã. Bị cáo Ba khai: Sáng bị Truyền chém trúng tay chảy máu, Sáng tuôn chạy trúng vào mẹ Truyền (bà Hoa). Trong khi đó, bà Hoa cho rằng chính bị cáo Ba dùng chân đá vào mông làm bà té xuống đất ngất xỉu. Lẽ ra, trong vụ án này, KSV phải tiến hành đối chất để giải quyết mâu thuẫn. Mặt khác, tại phiên tòa KSV đề nghị xử phạt Trần Quang Sáng 09 đến 12 tháng tù nhưng HĐXX tuyên phạt bị cáo 24

tháng tù cho hưởng án treo là trái với đề nghị của VKS. Tuy nhiên, KSV đã không đề xuất lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn xem xét kháng nghị phúc thẩm theo hướng không cho bị cáo Trần Quang Sáng được hưởng án treo. Như vậy, KSV đã chưa thực hiện đúng các thao tác nghiệp vụ trong thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, dẫn đến vụ án bị hủy.

Thứ năm, KSV chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, đề nghị mức hình phạt không tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo; bản án Tòa tuyên không phù hợp với quy định của pháp luật nhưng KSV không đề xuất kháng nghị phúc thẩm. Vì vậy, một số vụ án đã bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định kháng nghị phúc thẩm theo hướng tăng hình phạt hoặc không cho bị cáo hưởng án treo. Cụ thể:

Bảng 2.5. Tỷ lệ số vụ/số bị cáo bị VKSND tỉnh Bình Định kháng nghị phúc thẩm

Năm	Số vụ/bị cáo bị VKSND tỉnh Bình Định kháng nghị phúc thẩm	Số vụ/bị cáo đã xét xử sơ thẩm	Tỷ lệ % số vụ/bị cáo bị KNPT (số bị KNPT/số đã xét xử sơ thẩm)	Ghi chú
2011	01 vụ/01 bị cáo	70 vụ/125 bị cáo	1,4%/0,8%	
2012	04 vụ/07 bị cáo	90 vụ/142 bị cáo	4,4%/4,9%	
2013	02 vụ/02 bị cáo	84 vụ/164 bị cáo	3,7%/1,2%	
2014	Không	64 vụ/108 bị cáo		
2015	không	62 vụ/98 bị cáo		

(Nguồn Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn)

Diễn hình như vụ án Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ xảy ra lúc 2 giờ 30 phút ngày 31/5/2012, tại đoạn đường Quốc lộ 1A thuộc thôn Công Thạnh, xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhơn,

tỉnh Bình Định; Đặng Văn Vỹ điều khiển xe ô tô 17B-000.08 tham gia giao thông nhưng không giảm tốc độ khi đi qua đoạn đường có biển báo giao nhau với đường không ưu tiên, gây tai nạn làm chết 02 người là Trần Văn Xuyên và Trần Minh Quốc.

Cáo trạng số 736/QĐ-KSĐT ngày 29/11/2012 của VKSND huyện Hoài Nhơn đã truy tố Đặng Văn Vỹ theo điểm đ khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung 2009) với tình tiết “gây hậu quả rất nghiêm trọng”.

Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án, KSV đã đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 BLHS năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung 2009) xử phạt bị cáo Đặng Văn Vỹ từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Tại Bản án số 13/2013/HSST ngày 25/3/2013 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn đã chấp nhận đề nghị của VKS, tuyên phạt bị cáo 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 48 tháng.

Bản án đã bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định kháng nghị phúc thẩm về phần hình phạt theo hướng không cho bị cáo Đặng Văn Vỹ được hưởng án treo. Tại Bản án số 227/2013/HSPT ngày 27/09/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã chấp nhận kháng nghị, tuyên phạt bị cáo 09 tháng tù.

Trong vụ án này, KSV thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm đã đề nghị và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận tuyên hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối Đặng Văn Vỹ là không tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, thiếu tính nghiêm khắc, không đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm.

2.2.2.2. Nguyên nhân dẫn đến thực hành quyền công tố sai

** Nguyên nhân khách quan*

Một là, hệ thống quy phạm pháp luật làm cơ sở cho KSV thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự chưa hoàn thiện, có nhiều vướng mắc. Cụ thể như:

Pháp luật quy định về chức năng của VKS là thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp nhưng trên thực tế chưa giải thích hay quy định thống nhất về khái niệm quyền công tố, thực hành quyền công tố cũng như nội dung, phạm vi của chúng, dẫn đến tình trạng có nhiều quan điểm khác nhau, gây khó khăn không chỉ trong lý luận mà cả trong thực tiễn áp dụng pháp luật.

Việc xét hỏi tại phiên tòa vẫn do chủ tọa phiên tòa thực hiện nên chưa phát huy được vai trò tích cực, chủ động của KSV. Trong thực tế, có trường hợp HĐXX đã hỏi đầy đủ nên tạo tâm lý chủ quan, ỷ lại của KSV trong chứng minh tội phạm.

Hai là, do biên chế ít, ngoài thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thì KSV còn phải thực hiện những nhiệm vụ khác, dẫn đến bị quá tải, phần nào cũng ảnh hưởng đến chất lượng công tác.

Ba là, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho KSV còn nhiều khó khăn, chế độ lương, thưởng đã được quan tâm nhưng vẫn còn thấp, chưa đảm bảo được cuộc sống nên KSV bị chi phối bởi những công việc khác ngoài xã hội.

Bốn là, mô hình thông khâu trong giải quyết vụ án hình sự còn có những hạn chế nhất định. Theo mô hình thông khâu, KSV thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án cũng là người thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm; nên có thể dẫn đến tư tưởng bảo thủ hoặc chủ quan khi tranh tụng do lệ thuộc vào quan điểm đã đề xuất truy tố khi KSĐT,

có những KSV kiểm sát điều tra giỏi nhưng lại hạn chế về kỹ năng khi tranh tụng tại phiên tòa.

Năm là, ý thức pháp luật của bị can, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác còn hạn chế, chưa hiểu biết pháp luật để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho mình. Một số luật sư bào chữa chưa vận dụng tốt các quyền năng pháp lý, năng lực còn hạn chế, thường nặng về nêu các tình tiết giảm nhẹ cho thân chủ hơn là tranh luận về chứng cứ buộc tội, gỡ tội, đề nghị mức hình phạt trái quy định của pháp luật, không tôn trọng sự thật khách quan của vụ án mà chỉ bảo vệ thân chủ một cách đơn thuần.

Sáu là, trình độ năng lực, kinh nghiệm, đạo đức nghề nghiệp của một số Thẩm phán vẫn còn hạn chế nhất định. Không ít Thẩm phán điều khiển phiên tòa, tiến hành xét hỏi, tổ chức hoạt động tranh luận thiếu trách nhiệm, qua loa, đại khái.

** Nguyên nhân chủ quan*

Một là, một số KSV, nhất là các KSV mới được bổ nhiệm chưa nhận thức đầy đủ các yêu cầu của cải cách tư pháp và quy định của BLTTHS về nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; còn có biểu hiện chủ quan, chưa quan tâm đến việc nghiên cứu, học tập để nâng cao trình độ, năng lực, chuyên môn nghiệp vụ; việc nghiên cứu hồ sơ vụ án, đánh giá chứng cứ còn yếu, thiếu sự chuẩn bị chu đáo trước khi tham gia phiên tòa, có thái độ xem thường, không chú ý lắng nghe ý kiến của bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác. Đặc biệt, khi tranh luận thì KSV thường có quan điểm bảo lưu ý kiến, ngại tranh luận hoặc tranh luận cho xong, lời lẽ tranh luận chưa sắc bén, không có tính giáo dục và thuyết phục; đối với những vụ án phức tạp, có nhiều luật sư bào chữa thì một số KSV mất bình tĩnh, tâm lý không vững vàng.

Hai là, lãnh đạo VKSND huyện Hoài Nhơn có lúc chưa quan tâm, sâu sát trong quản lý, chỉ đạo điều hành, sắp xếp, bố trí KSV; chưa giành nhiều thời gian để trực tiếp tham dự, theo dõi các phiên tòa nhằm kịp thời trao đổi, rút kinh nghiệm những thiếu sót của KSV trong thực hiện các khâu công tác nói chung và thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng.

Tiểu kết Chương 2

Trong Chương 2, luận văn đã khái quát bằng số liệu tình hình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn và kết quả thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn. Nhìn chung, trong 05 năm (2011-2015), Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn đã có nhiều cố gắng trong công tác, hình ảnh người Kiểm sát viên tại phiên tòa được xã hội ghi nhận, Kiểm sát viên đã bảo vệ được Cáo trạng truy tố, chưa để xảy ra trường hợp Tòa tuyên bị cáo không có tội... Bên cạnh đó, vẫn còn những hạn chế, thiết sót cần phải khắc phục như: có vụ chưa đủ căn cứ để truy tố bị can, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bỏ lọt tội phạm, mức án tuyên không tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo... bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định hay Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định kháng nghị phúc thẩm dẫn đến án bị hủy để điều tra, xét xử lại.

Đồng thời, qua thực tiễn thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, luận văn đã phân tích những nội dung thực hành quyền công tố đúng và sai; xác định nguyên nhân để làm cơ sở cho việc nghiên cứu các giải pháp hoàn thiện nhằm nâng cao chất lượng khâu công tác này.

CHƯƠNG 3

CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ ĐÚNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.1. Dự báo các yếu tố tác động đến thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trên địa bàn huyện Hoài Nhơn

3.1.1. Tình hình kinh tế - xã hội

Năm 2016 và những năm tiếp theo, huyện Hoài Nhơn tổ chức thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Hoài Nhơn lần thứ XIX như: phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tạo nền tảng cho kinh tế phát triển bền vững; nâng cao hiệu quả các hoạt động thương mại - dịch vụ, tài chính - ngân sách; phát triển nông nghiệp toàn diện; quy hoạch, đầu tư phát triển khai thác thế mạnh kinh tế từng vùng, tạo sự liên kết giữa khu vực nội thị và ngoại thị...

Bên cạnh những thuận lợi đã đạt được trong phát triển kinh tế-xã hội thì vẫn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất trắc, khó lường như: kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, tình hình khu vực và Biển Đông diễn biến phức tạp, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh thường xuyên xảy ra; hoạt động cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế trong huyện sẽ phát sinh nhiều tranh chấp có thể xảy ra tội phạm; mặt trái của nền kinh tế thị trường sẽ làm ảnh hưởng không nhỏ đến một bộ phận cán bộ, đảng viên trong đó có cán bộ, công chức VKSND huyện Hoài Nhơn.

3.1.2. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng thể chế

Cùng với việc quan tâm phát triển kinh tế-xã hội, huyện Hoài Nhơn tiếp tục xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng, hiệu lực, hiệu quả

quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; thực hiện việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, lấy hiệu quả và sự tín nhiệm của tập thể, của nhân dân để làm thước đo chủ yếu. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và kịp thời thay thế những cán bộ yếu kém về phẩm chất, năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ, uy tín giảm sút; chuẩn hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp huyện sẽ được thực hiện ngày càng tốt hơn.

Đồng thời, huyện Hoài Nhơn chú trọng hơn công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức đảm bảo đủ phẩm chất, năng lực và chuẩn hóa để quản lý, điều hành giải quyết những vấn đề thực tiễn ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu gây phiền hà cho nhân dân.

Như vậy, kết quả của hoạt động trên đây tác động theo chiều hướng tích cực đến thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát.

Nhằm thực hiện có hiệu quả Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, huyện Hoài Nhơn tiếp tục chú trọng xây dựng các cơ quan tư pháp vững mạnh toàn diện, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp gắn với thực hiện tốt quy chế phối hợp, nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đảm bảo đúng quy định, không để xảy ra oan sai, lọt tội phạm. Đây cũng là yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng công tác kiểm sát nói chung và thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng; đòi hỏi cán bộ, KSV phải không ngừng rèn luyện phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ để xứng tầm với đòi hỏi về công tác cán bộ của huyện Hoài Nhơn trong thời gian tới.

3.1.3. Tình hình tội phạm

Trong những năm tới, dự báo tình hình vi phạm pháp luật và tội phạm trên địa bàn huyện Hoài Nhơn sẽ có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức

tạp, thủ đoạn thực hiện tinh vi hơn, tính chất, mức độ tội phạm ngày càng nghiêm trọng và phức tạp hơn. Diễn hình một số loại tội như:

Tội phạm về ma túy sẽ có diễn biến phức tạp, nhiều loại ma túy mới được đưa vào sử dụng trên địa bàn huyện, thủ đoạn ngày càng tinh vi, sẽ xuất hiện tại địa phương các cơ sở chế biến ma túy, hình thành các đường dây về tội phạm ma túy, có sự móc nối, liên kết nhiều tỉnh, thành phố; khả năng sử dụng vũ khí nóng, các dụng cụ lây nhiễm HIV để chống đối người thực thi nhiệm vụ ngày càng cao.

Tội phạm kinh tế sẽ xuất hiện những loại tội trong lĩnh vực chứng khoán, cố ý làm trái, kinh doanh hàng giả; cướp có sử dụng vũ khí nóng, tai nạn giao thông và cố ý gây thương tích ngày càng gia tăng; tình trạng “chạy án, chạy tội” diễn ra gay gắt trong nội bộ các cơ quan tiến hành tố tụng. Đây là thách thức đối với các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện Hoài Nhơn nói chung và VKSND huyện Hoài Nhơn nói riêng, đòi hỏi KSV phải có trình độ chứng minh tội phạm, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng để tránh sa ngã vào những cám dỗ vật chất tầm thường, trở thành “tay sai” của tội phạm và những người chuyên chạy án, chạy tội.

3.1.4. Tình hình cải cách tư pháp

Năm 2015, mô hình VKS tổ chức ba cấp theo đơn vị hành chính đã chuyển sang mô hình VKS bốn cấp. Đồng thời, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã quy định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của VKS trong công tác thực hành quyền công tố nói chung và thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng.

Chính sách hình sự sẽ ngày càng được hoàn thiện để phù hợp với xu thế chung của thế giới và các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Bởi vậy, Bộ luật hình sự năm 2015 mới được ban hành nhưng cũng cần được hoàn thiện, bổ sung theo hướng loại bỏ những hành vi không còn phù hợp hay thêm

hành vi mới được coi là tội phạm, mở rộng việc quy định các loại hình phạt không phải là hình phạt tù, tiếp tục giảm hình phạt tử hình đối với một số tội phạm.

Bên cạnh đó, theo định hướng Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về “chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” cần tiếp tục nghiên cứu chuyển mô hình VKS thành Viện công tố, kèm theo đó là quy định chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị đối với cán bộ, KSV; thời hạn bổ nhiệm các chức danh KSV, hệ thống thang, bậc lương cũng cần thay đổi cho phù hợp.

Những yếu tố trên đây đã ảnh hưởng lớn đến chất lượng thực thi nhiệm vụ của KSV. Bởi vậy, Ngành kiểm sát cần phải tổ chức triển khai quán triệt thực hiện, có kế hoạch đào tạo để KSV nắm chắc các quy định của pháp luật, an tâm công tác, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3.2. Những yêu cầu đối với thực hành quyền công tố đúng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Để thực hành quyền công tố đúng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, đáp ứng với đòi hỏi của cải cách tư pháp trong thời gian tới, KSV cần phải thực hiện các yêu cầu như sau:

Thứ nhất, trong quá trình giải quyết vụ án, KSV phải nắm vững nội dung, các tình tiết, chứng cứ buộc tội, gỡ tội đối với bị cáo; mối liên hệ giữa các chứng cứ với tính chất, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; dự lường những tình huống phát sinh trong quá trình tranh tụng để có hướng giải quyết cho phù hợp, tránh bị động tại phiên tòa.

Thứ hai, KSV phải nắm vững các quy định của pháp luật để áp dụng đối với hành vi phạm tội của từng bị cáo, chủ động dùng pháp luật để xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Sự am hiểu toàn diện các quy định của pháp luật sẽ giúp cho KSV có được tâm lý tự tin để bảo vệ quan điểm truy tố của VKS.

Thứ ba, KSV phải được đào tạo cơ bản về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có thâm niên công tác để am hiểu các mặt của đời sống xã hội, tâm lý tội phạm; có kỹ năng để thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự như: kỹ năng xét hỏi, tranh luận, đối đáp, ghi chép, tổng hợp và văn hóa ứng xử.

Thứ tư, KSV phải có phẩm chất đạo đức tốt, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác, có niềm tin nội tâm, kiên quyết đấu tranh bảo vệ công lý và phải đặt mình trong hoàn cảnh của người phạm tội để đưa ra hướng xử lý cũng như mức hình phạt phù hợp, đảm bảo không bỏ lọt tội phạm hay làm oan người vô tội.

Thứ năm, sự quan tâm chỉ đạo, tin tưởng, ủng hộ KSV của lãnh đạo đơn vị, cấp ủy và chính quyền địa phương cũng là điều kiện cần thiết để KSV tự tin khi thực hiện nhiệm vụ kiểm sát nói chung và thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng.

3.3. Các giải pháp đảm bảo thực hành quyền công tố đúng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

3.3.1. Tăng cường nhận thức lý luận và pháp luật về thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm tới công tác tư pháp, đảm bảo xây dựng một nền tư pháp trong sạch, hội nhập quốc tế. Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị đã đề ra yêu cầu: “Viện kiểm sát làm tốt chức năng công tố và kiểm sát tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp...Nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đảm bảo tranh tụng dân chủ với Luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác...”. Nghị quyết 49-NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” đã tiếp tục khẳng định và nhấn mạnh “Nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử,

coi đây là khâu đột phá trong hoạt động tư pháp”. Xác định tầm quan trọng của công tác thực hành quyền công tố nói chung và hoạt động tranh tụng tại phiên tòa nói riêng, tại khoản 5 Điều 103 Hiến pháp sửa đổi năm 2013 quy định *"Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm"*. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn cần tổ chức triển khai sâu rộng quy định của Hiến pháp để giúp KSV nhận thức đầy đủ, đúng đắn quy định về nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử. KSV cần phải hiểu rằng, tranh tụng là cơ sở để Tòa án đánh giá toàn bộ nội dung vụ án và đưa ra phán quyết cuối cùng đảm bảo tính khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Việc quy định nguyên tắc này đã thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp, phù hợp với xu thế chung của thời đại; cái đích cuối cùng của nguyên tắc này chính là bảo đảm công lý, công bằng xã hội, quyền con người, không làm oan người vô tội và bỏ lọt tội phạm.

Đồng thời, KSV phải thống nhất nhận thức pháp luật về mục đích, ý nghĩa, phạm vi, nội dung, phương pháp thực hành quyền công tố; mối quan hệ giữa thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự để áp dụng vào thực tiễn công tác. Khi tham gia phiên tòa xét xử vụ án hình sự, KSV đồng thời thực hiện hai chức năng: thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử. Với chức năng thực hành quyền công tố, KSV cần thực hiện nghiêm túc, đầy đủ mọi quyền và nghĩa vụ, tham gia xét hỏi, tranh luận với bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác để bảo vệ cáo trạng. Với chức năng kiểm sát xét xử là kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án và những người tham gia tố tụng. Như vậy, KSV vừa là chủ thể trực tiếp thực hiện việc tranh tụng, vừa có trách nhiệm kiểm sát việc tuân theo pháp luật của HĐXX để nguyên tắc tranh tụng được bảo đảm bảo, pháp luật hình sự được chấp hành nghiêm chỉnh.

3.3.2. Nâng cao năng lực thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Nhằm thực hiện đúng yêu cầu của Nghị quyết 49 – NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị là: “Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo cử nhân luật, đào tạo nguồn của các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp; bồi dưỡng cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp theo hướng cập nhật các kiến thức mới về chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, có kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức thực tiễn, có phẩm chất, đạo đức trong sạch, dũng cảm đấu tranh vì công lý, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa”, Ngành kiểm sát cần phải có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo, giáo dục nhằm nâng cao kiến thức pháp luật, chuyên môn và năng lực công tác; nâng cao phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm cho KSV; xây dựng ngành kiểm sát nhân dân trong sạch, vững mạnh. Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng cán bộ đòi hỏi trước hết mỗi KSV phải tự đào tạo bằng cách tích cực nghiên cứu, học tập, nắm vững những quy định của pháp luật, nhất là pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự, các luật có liên quan, văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật, nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Đặc biệt, VKS cần thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ, tập huấn chuyên sâu cho KSV trên lĩnh vực thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự để KSV nâng cao kỹ năng áp dụng pháp luật khi giải quyết vụ án. Ngoài ra, cần tổ chức thi sát hạch nhằm đánh giá trình độ của KSV, đưa những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi ngành kiểm sát, bổ sung những người mới có đủ năng lực và bản lĩnh công tác.

Các giải pháp cụ thể để nâng cao năng lực của KSV thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án hình sự.

Chất lượng tranh tụng của KSV tại phiên tòa phụ thuộc rất nhiều vào các chứng cứ thu thập được ở giai đoạn điều tra; nếu chứng cứ được thu thập đầy đủ sẽ giúp cho KSV nắm chắc các tình tiết, nội dung của vụ án. Đồng thời, thông qua việc tiếp xúc với bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong giai đoạn điều tra giúp KSV nắm bắt được thái độ của họ để dự kiến những vấn đề sẽ phát sinh tại phiên tòa, dự thảo luận tội, dự kiến nội dung đối đáp, tranh luận có chất lượng. Do đó, để nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa thì KSV cần phải làm tốt chức trách, nhiệm vụ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

Thứ hai, nâng cao kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án của KSV

Nghiên cứu hồ sơ vụ án là nhiệm vụ quan trọng của KSV khi được phân công thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Việc nghiên cứu kỹ hồ sơ, nắm vững nội dung vụ án sẽ đảm bảo cho KSV thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của mình, chủ động hơn tại phiên tòa.

Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, KSV cần hệ thống các tài liệu, chứng cứ thành các tập như: tập về thủ tục tố tụng, kết quả khám nghiệm, kết luận giám định, biên bản ghi lời khai, tài liệu kết thúc điều tra, nhân thân bị can, tài liệu về thu giữ vật chứng, kê biên... Đồng thời, KSV phải đối chiếu, so sánh để loại trừ những nội dung không hợp lý, chắt lọc các nội dung hợp lý để phân tích, đánh giá một cách tổng hợp về các tình tiết của vụ án. KSV phải trích cứu hồ sơ và ghi chép cụ thể, tỉ mỉ những chứng cứ buộc tội, gỡ tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; chỉ sao chụp, photocopy lại những chứng cứ quan trọng như: biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định... để sử dụng tại phiên tòa, vì những tài liệu này khi viện dẫn đòi hỏi phải chính xác.

Đối với những vụ án phức tạp, nhiều bị cáo thì KSV cần có cách nghiên cứu khoa học để tổng hợp các chứng cứ, phân hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án, hệ thống các chứng cứ theo từng nhóm, phân loại những người tham gia tố tụng để thuận lợi cho việc xét hỏi, luận tội và tranh luận tại phiên tòa.

KSV phải đặc biệt chú ý để phát hiện những thiếu sót, mâu thuẫn trong các lời khai, tài liệu buộc tội, gỡ tội đối với bị cáo để có biện pháp khắc phục kịp thời. Nếu qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy các chứng cứ buộc tội không đủ thì KSV phải báo cáo ngay với lãnh đạo đơn vị để xem xét rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố, đảm bảo không để xảy ra oan sai trong giải quyết vụ án.

Thứ ba, nâng cao chất xây dựng đề cương xét hỏi và kỹ năng xét hỏi của KSV tại phiên tòa

Trước khi tham gia phiên tòa, KSV phải dự thảo đề cương xét hỏi để làm rõ nội dung của vụ án như: hành vi, thời gian, địa điểm, động cơ, mục đích, hậu quả, phương tiện, thủ đoạn phạm tội; hỏi đối với người làm chứng, người bị hại, người giám định và những người tham gia tố tụng khác; dự kiến những tình huống, diễn biến có thể xảy ra tại phiên tòa như thái độ tâm lý, khả năng phản cung của bị cáo, thay đổi lời khai của những người tham gia tố tụng; dự kiến những tài liệu, chứng cứ đưa ra để đấu tranh với bị cáo, trích đọc lời khai của bị cáo...Nội dung các câu hỏi phải rõ ràng, dễ hiểu, ngắn gọn, không đặt các câu hỏi mớ mẫm cung, dụ cung.

Tại phiên tòa, KSV phải lắng nghe, theo dõi, đối chiếu với những câu hỏi của thành viên HĐXX. Khi xét hỏi, KSV cần phải hỏi toàn bộ những tình tiết của vụ án để có cơ sở bổ sung, đề nghị trong phần luận tội; KSV không cần hỏi lại những câu mà HĐXX đã hỏi. Khi phát sinh các tài liệu mới tại phiên tòa, KSV phải kiểm tra và xét hỏi về nguồn gốc, nội dung để có kết

luận về tính hợp pháp, có căn cứ của tài liệu đó; nếu chưa đủ điều kiện kết luận mà nó có thể làm thay đổi sự thật khách quan của vụ án thì KSV đề nghị HĐXX hoãn phiên toà để xác minh, làm rõ.

Thứ tư, nâng cao chất lượng xây dựng dự thảo luận tội của KSV

Luận tội là quan điểm của KSV về tội trạng của bị cáo nhằm bảo vệ cáo trạng đã truy tố. Do vậy, luận tội phải có tính thuyết phục cao, có tình, có lý, không những để giáo dục, cải tạo bị cáo mà còn là lời cảnh tỉnh đối với người khác, răn đe, phòng ngừa tội phạm. Cơ cấu và nội dung của dự thảo luận tội phải theo mẫu hướng dẫn số 136 kèm theo Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự (Ban hành kèm theo Quyết định số 960/QĐ-VKSTC ngày 17/9/2007 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao).

Nội dung bản luận tội phải bám sát cáo trạng đã truy tố; cáo trạng truy tố những hành vi phạm tội nào, bị can nào thì luận tội phải phân tích, đánh giá, kết luận về hành vi phạm tội đó. Đồng thời, luận tội của KSV phải căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên toà, ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác. Trên cơ sở đánh giá toàn diện chứng cứ của vụ án, KSV phải khẳng định nội dung truy tố của cáo trạng là hoàn toàn đúng hoặc có vấn đề gì cần thay đổi như: rút quyết định truy tố, thay đổi tội danh, khung hình phạt nhẹ hơn... Đối với những tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa có thể làm thay đổi nội dung, tính chất của vụ án, nếu chưa được thẩm tra đầy đủ thì không thể kết luận mà phải đề nghị hoãn phiên tòa để điều tra xác minh.

Khi phân tích, đánh giá chứng cứ đối với vụ án có bị cáo phạm nhiều tội thì KSV phải phân tích từ tội có khung hình phạt nặng đến tội nhẹ hơn; vụ án có nhiều bị cáo thì phải phân tích vai trò, trách nhiệm, hậu quả, nhân thân, các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự từng bị cáo; đồng thời,

xem xét đối chiếu với các quy định của pháp luật hình sự để cân nhắc lựa chọn điều, khoản của BLHS để đề nghị Toà án áp dụng chính xác theo thứ tự: đề nghị hình phạt chính, hình phạt bổ sung và bồi thường thiệt hại (nếu có); cần lưu ý khi đề nghị bồi thường thiệt hại phải nêu cụ thể, tránh đề nghị chung chung. Đối với những vụ án trọng điểm, phức tạp hoặc xét xử lưu động thì KSV phải chuyển dự thảo luận tội cho lãnh đạo xem, góp ý trước khi tham dự phiên tòa.

Thứ năm, nâng cao kỹ năng trình bày Cáo trạng của KSV tại phiên tòa

Khi đọc cáo trạng, KSV cần đứng dậy, hướng về phía những người tham dự phiên tòa; nếu bị cáo ngồi thì phải đề nghị Chủ tọa phiên tòa cho đứng dậy để nghe cáo trạng. KSV phải đọc nguyên văn cáo trạng, không được tự ý bớt xén lời văn hoặc sửa chữa từ ngữ; phải đọc to, rõ ràng, mạch lạc, chính xác, ngắt câu đúng lúc, đúng chỗ; không được đọc ngọng, lỗi chính tả; thỉnh thoảng ngược nhìn những người tham dự phiên tòa để thể hiện vị thế của mình. Đối với các vụ án có tên riêng tiếng nước ngoài thì phải phiên âm sang tiếng Việt và đọc chuẩn xác. Sau khi đọc cáo trạng, KSV có thể trình bày ý kiến bổ sung để làm rõ thêm nhưng không được làm thay đổi nội dung đã truy tố. Để nâng cao kỹ năng trình bày cáo trạng, KSV cần phải được tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện khả năng đọc trước công chúng.

Thứ sáu, nâng cao kỹ năng tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa

Trước khi tham dự phiên tòa, KSV phải dự kiến những vấn đề cần tranh luận như: đánh giá chứng cứ, tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, thiệt hại do tội phạm gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, nhân thân bị cáo, những điểm mâu thuẫn trong hồ sơ vụ án, vai trò của bị cáo trong đồng phạm...Chuẩn bị lý lẽ để bác bỏ những quan điểm không đúng của bị cáo, người bào chữa trên cơ sở viện dẫn chứng cứ để chứng minh, bảo vệ quan điểm truy tố; đồng thời, cập nhật đầy đủ các văn bản pháp luật cần thiết có

liên quan đến vụ án để khi cần trích đọc hoặc viện dẫn chính xác.

Tại phiên tòa, KSV phải lắng nghe bị cáo, những người tham gia tố tụng khác trình bày ý kiến của họ, ghi lại tóm tắt để nắm được nội dung vấn đề. KSV có thể đề nghị chủ tọa phiên tòa cắt những ý kiến không có liên quan đến vụ án, chủ động chọn từng vấn đề để tranh luận; thông thường, KSV nên chọn những nội dung đã có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với kết quả thẩm tra công khai tại phiên tòa. Khi tranh luận, KSV phải nắm vững những quy định của BLTTHS để khẳng định tính có căn cứ, hợp pháp của các tài liệu, chứng cứ; chú ý những mâu thuẫn trong tranh luận giữa những người bào chữa với nhau, người bào chữa với người bảo vệ quyền lợi của các đương sự...để làm cơ sở phản bác lại những ý kiến của họ.

Trong quá trình tranh luận, KSV cần bình tĩnh, linh hoạt; sử dụng văn phong, ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu; những khẳng định, phản bác phải sinh động, có tính thuyết phục cao, có lý, có tình trên cơ sở tôn trọng sự thật khách quan của vụ án. Mặt khác, KSV phải tôn trọng quyền bào chữa của luật sư, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác; tránh thái độ định kiến, bảo thủ, không thừa nhận những thiếu sót trong quá trình giải quyết vụ án.

Để đảm bảo tranh luận của KSV đạt chất lượng, VKSND huyện Hoài Nhơn và ngành cấp trên cần tổ chức những đợt tập huấn nghiệp vụ, chọn các phiên tòa hình sự rút kinh nghiệm chung; đồng thời, KSV phải tự mình học tập, nghiên cứu các văn bản pháp luật để nâng cao trình độ chuyên môn; rèn luyện khả năng hùng biện để tạo tính chủ động, tự tin trước phiên tòa.

Thứ bảy, nâng cao kỹ năng phát hiện vi phạm để kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án

Kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm là quyền năng pháp lý quan trọng của VKSND. Để thực hiện tốt, KSV phải nghiên cứu, quán triệt đầy đủ các quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn này của VKS; thực hiện

nghiêm túc Chỉ thị số 03/2008/CT-VKSTC-VPT1 ngày 19/06/2008 về tăng cường công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự; Chỉ thị số 08/CT-VKSTC ngày 06/04/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về tiếp tục tăng cường kháng nghị án hình sự.

Để nâng cao kỹ năng, KSV được phân công thực hành quyền công tố tại phiên tòa phải thực hiện tốt việc kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án, xem xét có phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được hay không; phần nhận định của bản án có phù hợp với phần quyết định tuyên tại phiên tòa hay không... Đặc biệt, phải xem xét nội dung bản án về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và phân trách nhiệm dân sự....Phát hiện kịp thời những vi phạm trong bản án, quyết định của Tòa án, báo cáo lãnh đạo xem xét, quyết định việc kháng nghị hay không kháng nghị.

Theo quy định tại Điều 33 Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự thì Bản án hoặc quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, khi có một trong những căn cứ sau đây: việc điều tra, xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm phiên diện hoặc không đầy đủ; kết luận của bản án hoặc quyết định hình sự sơ thẩm không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án; có vi phạm trong việc áp dụng Bộ luật hình sự; thành phần HĐXX sơ thẩm không đúng luật định hoặc có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng.

Hình thức kháng nghị phải thực hiện đúng mẫu quy định, nội dung kháng nghị phải đầy đủ theo Chỉ thị số 03/2008/CT-VKSTC-VPT1 ngày 19/06/2008 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao: “nội dung kháng nghị phải phân tích, làm rõ căn cứ kháng nghị như bản án, quyết định sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; áp dụng không đúng điều khoản BLHS; áp dụng không đúng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự; kết luận của bản án hoặc quyết định sơ thẩm không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án; xử quá nặng hoặc nhẹ, không phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, không phù hợp với chính sách hình sự. Kháng nghị phải phân tích rõ vi phạm của bản án, quyết định sơ thẩm, đối chiếu với các quy định cụ thể của điều luật có liên quan và các văn bản hướng dẫn thực hiện...Quyết định kháng nghị phải nêu rõ nội dung và phạm vi kháng nghị ” [44, tr.2].

3.3.3. Nâng cao năng lực, đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành đối với hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Để làm được điều này, lãnh đạo VKSND huyện Hoài Nhơn cần tăng cường sự kiểm tra, đánh giá kết quả thực hành quyền công tố của KSV có đúng theo quy định pháp luật và Quy chế của ngành hay không. Việc kiểm tra, đánh giá phải làm thường xuyên đối với tất cả các vụ án từ đơn giản đến phức tạp. Từ đó, kịp thời phát hiện những sai phạm, thiếu sót của KSV để nhắc nhở, chấn chỉnh nhằm nâng cao chất lượng giải quyết án.

Lãnh đạo đơn vị phải phối hợp chặt chẽ với Tòa án trong việc tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm. Đây là một giải pháp hữu hiệu giúp KSV nâng cao năng lực thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau phiên tòa, lãnh đạo đơn vị phải tổ chức họp rút kinh nghiệm, đánh giá toàn diện các hoạt động nghiệp vụ của KSV, nêu ra những tồn tại, hạn chế cần khắc phục nhằm nâng cao kỹ năng thẩm vấn, tranh tụng, xử lý tình huống phát sinh tại phiên tòa. Nên chọn những vụ án có sự tham gia của luật sư, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại hoặc có bị cáo không nhận tội...để làm cơ sở đánh giá toàn diện đối với KSV; cần tránh việc nhận thức tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm chỉ mang tính hình thức, để xem xét thi đua mà phải nhìn nhận nó đóng vai trò quan trọng, là biện pháp tự đào

tạo và đào tạo nghiệp vụ cho KSV.

Tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện các chuyên đề để nâng cao năng lực cho KSV. Bên cạnh đó, cần chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng các cảm nang nghiệp vụ để trang bị cho KSV những kỹ năng cần thiết khi tham gia phiên tòa, tổ chức nhiều cuộc thi như: Chúng tôi là Kiểm sát viên, thi viết Cáo trạng, Luận tội... để rèn luyện kỹ năng thực hành quyền công tố cho KSV, tiến tới xây dựng đội ngũ KSV chuyên sâu, có kinh nghiệm, giỏi nghiệp vụ và có bản lĩnh nghề nghiệp, chủ động xử lý nhanh nhạy mọi tình huống phức tạp tại phiên tòa.

3.3.4. Tăng cường phối hợp trong nội bộ ngành kiểm sát ở giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Một trong những giải pháp để nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là xây dựng mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận giải quyết án trong đơn vị VKSND cấp huyện và giữa các cấp kiểm sát với nhau. Thực tiễn công tác của ngành Kiểm sát cho thấy mối quan hệ phối hợp không chỉ là giải pháp để nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố mà còn được coi là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của ngành kiểm sát; có quan hệ tốt sẽ khắc phục tình trạng “mạnh ai nấy làm”, “quyền anh quyền tôi”.

BLTTHS năm 2015 quy định phạm vi thực hành quyền công tố bắt đầu từ giai đoạn giải quyết tố giác, tin báo tội phạm; vì vậy, để đạt được chất lượng, hiệu quả cao trong thực hành quyền công tố, đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ, toàn diện giữa các bộ phận nghiệp vụ như: thực hành quyền công tố trong giải quyết tin báo, tố giác tội phạm với thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Để đảm bảo thực hiện tốt quan hệ phối hợp giữa các bộ phận nghiệp vụ, đòi hỏi phải có sự chỉ đạo sâu sát, thường xuyên của Viện trưởng VKS, sự phối hợp giữa các Phó viện

trưởng phụ trách trên cơ sở chỉ đạo chung của Viện trưởng.

Giữa VKS cấp huyện với VKS cấp tỉnh cũng phải có sự phối hợp trong hoạt động nghiệp vụ và quản lý, chỉ đạo, điều hành. Đảm bảo mối quan hệ phối hợp thường xuyên sẽ góp phần nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố nói chung và thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng. Đặc biệt, trong công tác kháng nghị phúc thẩm án hình sự, trước khi ban hành kháng nghị phúc thẩm thì VKSND cấp huyện phải trao đổi để xin ý kiến của Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm hình sự; đảm bảo các kháng nghị có chất lượng, được cấp tỉnh bảo vệ và Tòa phúc thẩm chấp nhận.

3.3.5. Tăng cường hướng dẫn áp dụng pháp luật tố tụng hình sự

BLTTHS năm 2015 được ban hành đã thể chế hóa đầy đủ các chủ trương cải cách tư pháp của Đảng và Hiến pháp năm 2013; cụ thể hóa các trình tự, thủ tục để người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm của mình, hạn chế tối đa các quy định chung chung, phải chờ văn bản hướng dẫn thi hành, tháo gỡ những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn; tăng cường trách nhiệm của các cơ quan tố tụng trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân đã được Hiến định; góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu: “*Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam XHCN*”. Để thực hiện có hiệu quả và đồng bộ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, cần phải có sự hướng dẫn, giải thích kịp thời, cụ thể như:

Thứ nhất, Điều 103 Hiến pháp 2013 và Điều 26 BLTTHS năm 2015 quy định: “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”. Lần đầu tiên, tranh tụng được quy định là một nguyên tắc trong xét xử. Để thực hiện quy định này, cần thiết phải xây dựng các chế định làm rõ nội dung, phạm vi,

quyền hạn và trách nhiệm của VKS, Luật sư, Thẩm phán trong phiên tòa hình sự; trình tự thu thập và cung cấp chứng cứ của luật sư; nâng cao hơn nữa trách nhiệm KSV trong tranh tụng tại phiên tòa...nhằm đảm bảo cơ chế để hoạt động tranh tụng thực sự dân chủ.

Thứ hai, nhà làm luật cần đưa ra khái niệm thống nhất về “quyền công tố” và “thực hành quyền công tố” trong BLTTHS để tạo cơ sở pháp lý cho việc nhận thức về vai trò, vị trí, chức năng của VKS; qua đó, giúp KSV có hành lang pháp lý để nâng cao chất lượng hoạt động thực hành quyền công tố.

Thứ ba, theo quy định tại Điều 60, Điều 61 BLTTHS năm 2015 thì bị can, bị cáo có quyền đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa kể từ lúc kết thúc điều tra khi có yêu cầu; xem biên bản phiên tòa, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa. Vì vậy, liên ngành trung ương cần thống nhất hướng dẫn cụ thể về trình tự thực hiện; tránh tình trạng quy định không rõ ràng, gây khó khăn cho bị can, bị cáo.

3.3.6. Hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Theo Điều 307 BLTTHS năm 2015 quy định “*chủ tọa phiên tòa hỏi trước sau đó quyết định để Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi*”. Xét về lý luận, bên nào thực hiện việc buộc tội thì bên đó phải có nghĩa vụ xét hỏi, đưa ra chứng cứ để chứng minh. Tuy nhiên, BLTTHS quy định chủ tọa phiên tòa hỏi trước đã chuyển trách nhiệm chứng minh tội phạm của VKS sang Tòa án; vì vậy, chưa tạo điều kiện để phát huy tính chủ động, tích cực và trách nhiệm của bên buộc tội trong thực hiện chức năng tố tụng của mình.

Để thể hiện đúng vai trò và nâng cao chất lượng thực hành quyền công

tổ của KSV tại phiên tòa, tạo điều kiện để KSV kiểm tra công khai những chứng cứ đã thu thập được trong giai đoạn điều tra, nên quy định KSV và người bào chữa xét hỏi là chủ yếu. Sau khi công bố cáo trạng thì KSV là người xét hỏi đầu tiên đối với bị cáo, người làm chứng, người bị hại...HĐXX chủ yếu lắng nghe việc hỏi và trả lời của các bên tham gia tố tụng tại phiên tòa; có thể yêu cầu KSV hoặc luật sư bào chữa hỏi thêm hay trình bày thêm những vấn đề cần chứng minh trong vụ án; HĐXX chỉ hỏi khi cần thiết, khi thấy có nội dung chưa được làm rõ.

3.3.7. Tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Ngành kiểm sát nhân dân

Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị đã đánh giá nguyên nhân của những tồn tại trong công tác tư pháp thời gian qua là: “*cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của các cơ quan tư pháp chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, nhất là ở cấp huyện nhiều trụ sở còn rất chật chội, phương tiện làm việc vừa thiếu lại vừa lạc hậu; chính sách đối với cán bộ tư pháp chưa tương xứng với nhiệm vụ và trách nhiệm được giao*”. Trong những năm qua, thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về “chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”, các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và VKS nói riêng đã được Nhà nước đầu tư nhiều cơ sở vật chất, điều kiện làm việc nhưng chủ yếu chú trọng đến công tác xây dựng cơ bản; nhu cầu thiết yếu của cán bộ, KSV ngành kiểm sát còn thấp so với mặt bằng chung của xã hội. Vì vậy, Đảng và Nhà nước cần quy định chính sách tiền lương, đãi ngộ phù hợp cho cán bộ, KSV để họ có điều kiện nuôi sống bản thân, gia đình, an tâm công tác; cấp thêm phương tiện đi lại khi thực thi công vụ cho KSV, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghiệp vụ bằng cách trang bị thêm nhiều máy tính xách tay, các thiết bị để phục vụ việc ghi âm, ghi hình... theo yêu cầu của BLTTHS năm 2015.

3.3.8. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự giám sát của Hội đồng nhân dân ở địa phương

Lãnh đạo VKSND cần nâng cao nhận thức về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư pháp nói chung và công tác của ngành Kiểm sát nói riêng. Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng như Nghị quyết số 08 - NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị về “một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về “chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”, Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ chính trị về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới” và Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 07/7/2007 về “sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án và công tác bảo vệ Đảng”.

Để tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, VKSND cần thực hiện nghiêm túc việc báo cáo và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác khi xin ý kiến chỉ đạo của cấp ủy Đảng trong điều tra, xử lý các vụ án hình sự liên quan đến cán bộ, đảng viên; các vụ án mà bị can, bị cáo là người có uy tín, ảnh hưởng lớn trong tôn giáo hay vụ việc nghiêm trọng, phức tạp khác mà dư luận xã hội quan tâm.

Đồng thời, cấp ủy Đảng cần chú trọng lãnh đạo về công tác cán bộ; quan tâm hơn nữa việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; lựa chọn những cán bộ có năng lực, tâm huyết và bản lĩnh chính trị vững vàng để bố trí vào các chức vụ lãnh đạo trong cơ quan tiến hành tố tụng nhằm đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp, hội nhập quốc tế. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, gắn với thực hiện nghiêm túc lời dạy của Bác đối với cán bộ Ngành kiểm sát “Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn”.

Hoạt động giám sát của HĐND đối với VKSND phải luôn đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự phối hợp giữa Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể, tổ chức xã hội. VKSND phải thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo; tiếp thu, trả lời đầy đủ, kịp thời các chất vấn của Hội đồng nhân dân cùng cấp và kiến nghị của cử tri; có biện pháp để khắc phục thiếu sót, hạn chế trong công tác kiểm sát nhằm nâng cao chất lượng giải quyết án, phục vụ cho yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Tiểu kết Chương 3

Trong Chương 3, luận văn đã dự báo các yếu tố tác động đến công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trên địa bàn huyện Hoài Nhơn trong thời gian tới như: tình hình kinh tế-xã hội thay đổi; tình hình tội phạm ngày càng gia tăng với những thủ đoạn tinh vi hơn, tính chất, mức độ ngày càng nghiêm trọng và phức tạp hơn; yêu cầu cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước đòi hỏi Ngành kiểm sát nhân dân cần phải có sự điều chỉnh cho phù hợp... Những yếu tố tác động này sẽ ảnh hưởng rất lớn tới chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Để nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn này, luận văn đã đề ra những yêu cầu và các giải pháp đảm bảo thực hành quyền công tố đúng; đồng thời, đề xuất phương hướng cụ thể để tiếp tục hoàn thiện những quy định của pháp luật tố tụng hình sự chưa phù hợp như: việc Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung, hậu quả pháp lý việc rút quyết định truy tố, thẩm quyền khởi tố vụ án của HĐXX, trình tự xét hỏi tại phiên tòa... Từ đó, nhằm xác định rõ vị trí, vai trò của thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, đáp ứng với tiến trình cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế.

KẾT LUẬN

Ngày 26/07/1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Lệnh công bố Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, đánh dấu sự ra đời của Viện kiểm sát nhân dân trong hệ thống bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa. Trải qua quá trình phấn đấu và trưởng thành, ngành kiểm sát nhân dân đã không ngừng lớn mạnh và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, trở thành công cụ đấu tranh sắc bén trong việc bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền tự do dân chủ và những lợi ích chính đáng của nhân dân, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

Trước những yêu cầu của tình hình mới, Bộ chính trị đã ban hành Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về “một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”, Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về “chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”, với mục tiêu là “xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao”.

Trong thời gian qua, VKSND huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định đã hoàn thành tốt công tác thực hành quyền công tố nói chung và thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng, đảm bảo việc truy cứu trách nhiệm hình sự ra tòa xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, chưa có trường hợp Tòa tuyên bị cáo không phạm tội, quan điểm giải quyết các vụ án của VKS được chính quyền địa phương đồng tình ủng hộ, hình ảnh người KSV đã đi vào lòng nhân dân, được nhân dân tin yêu, quý mến. Tuy nhiên, trước yêu cầu cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước thì công tác thực hành quyền công tố trong

giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế, cần phải nhìn nhận nghiêm túc để nâng cao hơn nữa chất lượng khâu công tác này.

Do vậy, luận văn nghiên cứu để làm rõ những vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố nói chung và trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng. Đồng thời, qua thực tiễn thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại huyện Hoài Nhơn, luận văn phân tích những nội dung thực hành quyền công tố đúng và sai, dự báo các yếu tố tác động để đề ra những giải pháp đảm bảo thực hành quyền công tố đúng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; kiến nghị tiếp tục hoàn thiện những quy định của pháp luật chưa phù hợp như: mối quan hệ giữa VKS và Tòa án khi trả hồ sơ điều tra bổ sung, giải quyết trường hợp VKS rút quyết định truy tố, vấn đề khởi tố vụ án hình sự của Hội đồng xét xử, trình tự thủ tục xét hỏi tại phiên tòa...

Từ việc nghiên cứu luận văn, có thể kết luận rằng: Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan duy nhất được Nhà nước giao thực hành quyền công tố nói chung và thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng. Để thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, KSV cần phải thực hiện các nội dung quy định tại Điều 18 Luật tổ chức VKSND năm 2014 và Điều 266 BLTTHS năm 2015. Đây là các nội dung lớn, đòi hỏi KSV phải tự đào tạo để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp; bên cạnh đó, Ngành kiểm sát nhân dân phải không ngừng đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ cho KSV, xây dựng đội ngũ cán bộ, KSV “vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm và bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm”, đảm bảo hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Tác giả tin tưởng rằng, trong thời gian tới, công tác thực hành quyền

công tố nói chung và thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng sẽ đạt được những kết quả tốt hơn, đáp ứng với tiến trình cải cách tư pháp và sự đòi hỏi, kỳ vọng của nhân dân, vì mục tiêu chung là “phụng công, thủ pháp, chí công vô tư”, góp phần vào công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Thanh Biểu (2007), *Tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
2. Dương Thanh Biểu (2005), *Tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm hình sự, những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí Kiểm sát.
3. Bộ chính trị (2002), *Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới*.
4. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
5. Bộ chính trị (2010), *Trích Kết luận số 79-KL/TW ngày 28/7/2010 của Bộ chính trị về đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra theo Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
6. Lê Cẩm (2001), “Những vấn đề lý luận về chế định quyền công tố”, *Tạp chí khoa học pháp lý*.
7. Lý Văn Chính (2006), “Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*.
8. Nguyễn Chí Dũng (2014), “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc xét hỏi và tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm hình sự”, *Tạp chí Kiểm sát*.
9. Trần Ngọc Đảm (2015), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động xét xử sơ thẩm hình sự từ thực tiễn tỉnh Long An*, Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội.
10. Trần Văn Độ (2001), “Một số vấn đề về quyền công tố”, *Tạp chí luật học*.
11. Lê Thị Tuyết Hoa (2007), “Bàn về chức năng của Viện tố tụng trong tố tụng hình sự”, *Tạp chí Kiểm sát*.

12. Lê Thị Tuyết Hoa (2002), *Quyền công tố ở Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ luật học.
13. Hà Minh Hải (2007), *Chức năng, nhiệm vụ của Kiểm sát viên trong tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm hình sự-Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
14. Nguyễn Đức Hạnh (2013), “Kỹ năng giao tiếp của Kiểm sát viên trong hoạt động tranh tụng tại phiên tòa hình sự”, *Tạp chí Kiểm sát*.
15. Nguyễn Hữu Hậu (2014), “Kỹ năng xây dựng và trình bày luận tội”, *Tạp chí Kiểm sát*.
16. Nguyễn Thị Hương (2006), “Hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của Kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm án hình sự”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*.
17. Nguyễn Mạnh Kháng (2003), “Cải cách tư pháp và vấn đề tranh tụng”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*.
18. Nguyễn Hữu Khoa (2010), *Chức năng của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
19. Võ Phước Long (2007), *Chức năng của VKSND trong TTHS*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
20. Lỗ Thị Loan (2015), *Thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm hình sự từ thực tiễn tỉnh Hòa Bình*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội.
21. Nguyễn Đức Mai (2003), “Chức năng của Viên kiểm sát trong tố tụng hình sự”, *Tạp chí kiểm sát*.
22. Nguyễn Đức Mai (2007), “Tranh tụng trong tố tụng hình sự”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*.

23. Lê Văn Meo (2014), “Một số giải pháp nâng cao kỹ năng soạn thảo Cáo trạng của Kiểm sát viên”, *Tạp chí Kiểm sát*.
24. Võ Quang Nhận (1984), “Bàn về quyền công tố”, *Tạp chí kiểm sát số 2*.
25. Trần Công Phàn (2011), “Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát các hoạt động tư pháp của VKSND trong tình hình mới”, *Tạp chí Kiểm sát*.
26. Nguyễn Hải Phong (2014), *Một số vấn đề về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp*. Nxb Tư pháp.
27. Nguyễn Thái Phúc (1999), *Một số vấn đề về quyền công tố của VKS. Kỷ yếu đề tài khoa học cấp Bộ “Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động quyền công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay”*. VKSND tối cao.
28. Quốc hội, *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb Chính trị Quốc gia-Sự thật.
29. Quốc hội, *Bộ luật hình sự năm 2015*, Nxb Chính trị Quốc gia-Sự thật.
30. Quốc hội, *Luật tổ chức VKSND năm 1960, 1980, 1992, 2002, 2014*.
31. Quốc hội, *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1946, 1959, 1980, 1992, 2013*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
32. Hồ Sỹ Sơn (2005), “Hoàn thiện mối quan hệ giữa Tòa án và Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết vụ án hình sự”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*.
33. Trường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát TPHCM (2015), *Giáo trình đào tạo nghiệp vụ kiểm sát (tập 4)*.
34. Trường Cao đẳng kiểm sát Hà Nội (1984), *Giáo trình công tác kiểm sát (phần chung)* –trang 74.
35. Lê Hữu Thê (2000), “Về khái niệm quyền công tố”, *Tạp chí nghiên cứu lập pháp*.
36. Lê Hữu Thê (2000), “Về vị trí và chức năng của Viện kiểm sát nhân dân

trong bộ máy Nhà nước ta”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*.

37. Lê Hữu Thê (2008), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
38. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, *Bản án số 89/2015/HSPT ngày 23/4/2015, số 168/2015/HSST ngày 24/8/2015, số 227/2013/HSPT ngày 27/9/2015*.
39. Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn, *Bản án số 13/2013/HSST ngày 25/03/2013, 63/2014/HSST ngày 01/12/2014, số 31/2015/HSST ngày 17/06/2015*.
40. Đào Trí Úc (2011), “Về Viện kiểm sát ở Việt Nam”, *Tạp chí nghiên cứu lập pháp*.
41. Đào Trí Úc (2011), “Tổ tụng hình sự Việt Nam cần được đổi mới và hoàn thiện theo hướng nào”, *Tạp chí nghiên cứu lập pháp*.
42. Viện ngôn ngữ học (2001), *Từ điển Tiếng Việt*.
43. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2005), *Chuyên đề nâng cao chất lượng tranh luận tại phiên toà xét xử các vụ án hình sự của Kiểm sát viên*.
44. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2008), *Chỉ thị số 03/2008/CT-VKSTC-VPT1 ngày 19/06/2008 về tăng cường công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự*.
45. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2016), *Chỉ thị số 08/CT-VKSTC ngày 06/04/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về tiếp tục tăng cường kháng nghị án hình sự*.
46. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2007), *Qui chế thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự (ban hành kèm theo quyết định số 960/QĐ-VKSNDTC ngày 17 tháng 9 năm 2007 của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao)*.
47. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao-Tòa án nhân dân Tối cao (1988), *Thông*

tư liên ngành hướng dẫn thi hành một số quy định BLTTHS.

48. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, *kháng nghị số 04/QĐ-KNPT ngày 11/04/2013.*
49. Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn, *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015.*
50. Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn, *kháng nghị số 245/QĐ-KNPT ngày 29/06/2015.*